



TẬP ĐOÀN  
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4  
Số: 630 /TVĐ4-P2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 8 tháng 4 năm 2021

V/v công bố thông tin Báo cáo  
thường niên năm 2020

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

2- Mã chứng khoán: TV4

3- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

4- Điện thoại: 0258.3563999 Fax: 0258.3563888

5- Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lê Thanh Bình

6- Nội dung của thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 xin công bố Báo cáo thường niên năm 2020.

7- Địa chỉ website: [www.pecc4.vn](http://www.pecc4.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: P2, VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**Trần Lê Thanh Bình**



**EVNPECC4**

# KIẾN TẠO NIỀM TIN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**





## I. TỔNG QUAN

## II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

## III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

## V. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
2. Sự kiện, giải thưởng tiêu biểu 2020
3. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Quá trình hình thành phát triển
5. Tỷ lệ cổ phần, Mô hình hoạt động, Lĩnh vực hoạt động, Sơ đồ tổ chức
6. Thông tin tài chính cơ bản

1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025
2. Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030
3. Giá trị bền vững

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị
2. Báo cáo của Ban điều hành
3. Kế hoạch phát triển năm 2021

1. Tổng quan về quản trị
2. Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban điều hành
3. Hoạt động Hội đồng quản trị, Ban điều hành
4. Quản trị rủi ro

1. Các hoạt động phát triển bền vững 2020
2. Thực hiện nhiệm vụ xã hội
3. Gắn kết môi trường trong hoạt động

1. Báo cáo kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính



## **I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
2. Sự kiện, giải thưởng tiêu biểu 2020
3. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. Quá trình hình thành phát triển
5. Tỷ lệ cổ phần, Mô hình hoạt động, Lĩnh vực hoạt động, Sơ đồ tổ chức
6. Thông tin tài chính cơ bản







**PECC4** phấn đấu trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng điện hàng đầu tại Việt Nam và khu vực.

**PECC4** cung cấp dịch vụ tư vấn, đầu tư, xây dựng công trình điện cho khách hàng kịp thời với chất lượng tốt nhất.



**PECC4** tạo dựng niềm tin trong Công ty và với Khách hàng dựa trên các giá trị cơ bản.



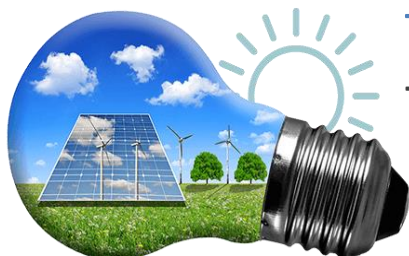
# Điểm nhấn năm 2020



Doanh thu thuần đạt **251 tỷ đồng**  
Tăng 25,8% so với năm 2019



Lợi nhuận trước thuế đạt **32,49 tỷ đồng**  
Tăng 54,28% so với năm 2019



Tổng tài sản năm 2020 đạt **335,6 tỷ đồng**  
Tăng 16% so với năm 2019



Tổng số lượng lao động đạt **426 người**  
Tăng 12,4% so với năm 2019





# Danh hiệu, giải thưởng và các sự kiện nổi bật năm 2020



Với kết quả đã đạt được trong năm, tại Lễ tổng kết Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2020, Công ty là một trong 9 đơn vị trực thuộc EVN được Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tặng Cờ Thi đua xuất sắc. Ngoài ra, Công ty được UBND tỉnh Khánh Hòa tặng Cờ Thi đua xuất sắc trong hoạt động của Khối thi đua các doanh nghiệp 4 tại tỉnh năm 2020.



Ngày 30/10/2020, tại thành phố Quy Nhơn, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã tổ chức Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2020.

Với những phấn đấu, nỗ lực của Công ty trong giai đoạn 2019 - 2020, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 với mã CK: TV4 đã được vinh danh trong 15 doanh nghiệp doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên HNX năm 2019 – 2020



Giám sát xây dựng Điện mặt trời Xuân Thiện – EA Súp với tổng mức đầu tư hơn 50.000 tỷ đồng, công suất tổng nhà máy Điện Mặt Trời Xuân Thiện 2.000MW, sản lượng điện khoảng 5 tỷ kWh/năm. Giai đoạn I với công suất 600MW ~ 830 MWp.

Đây là dự án điện mặt trời có công suất lớn nhất khu vực Đông Nam Á và lớn thứ 2 thế giới. Dự án bao gồm 22,2km đường dây 500kV và trạm biến áp 500kV/1200MVA ...





# Danh hiệu, giải thưởng và các sự kiện nổi bật năm 2020



Ngày 16/10/2020, Lãnh đạo tập đoàn Điện lực Việt Nam - Tổng Giám đốc EVN Ông Trần Đình Nhân và Phó Tổng giám đốc EVN Ông Nguyễn Tài Anh - đã đến thăm và làm việc với PECC4.

Lãnh đạo Tập đoàn mong muốn PECC4 "có khát vọng để vươn lên trở thành đơn vị tư vấn điện hàng đầu Việt Nam". Tổng Giám đốc EVN bày tỏ niềm tin tưởng với sự nhiệt huyết, sự quyết tâm của Ban lãnh đạo công ty, cùng đội ngũ CBCNV trẻ có năng lực sẽ sớm hiện thực hóa mong muốn của Tập đoàn.

Phó Tổng giám đốc EVN Nguyễn Tài Anh cũng cho rằng, PECC4 phải đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số để thực hiện khảo sát, tư vấn các dự án điện







# THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## KIẾN TẠO NIỀM TIN

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 4 là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng các công trình điện ở Việt Nam. Công ty chúng tôi chuyên cung cấp cho khách hàng các dịch vụ: Tư vấn xây dựng; tư vấn đấu thầu; tư vấn quản lý dự án; quy hoạch; khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình điện, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật...

Với kinh nghiệm hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn; Với đội ngũ cán bộ quản lý điều hành, lực lượng chuyên gia, kỹ sư có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, được đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước; Với trang thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo cung cấp những dịch vụ tư vấn đa dạng, đáp ứng mọi yêu cầu của Khách hàng.



**Ông Vũ Thành Danh**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đến với Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4 Quý khách hàng yên tâm về chất lượng dịch vụ tư vấn.

Mục tiêu của Công ty là phát triển toàn diện và bền vững lĩnh vực tư vấn, tích cực mở rộng lĩnh vực đầu tư các dự án điện, nhằm mang lại lợi ích tối đa cho doanh nghiệp, khách hàng và cổ đông.

Phương châm hành động của Công ty là **kiến tạo niềm tin** để đáp ứng sự tin nhiệm của khách hàng.

Công ty xin gửi lời chào trân trọng và mong nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng.

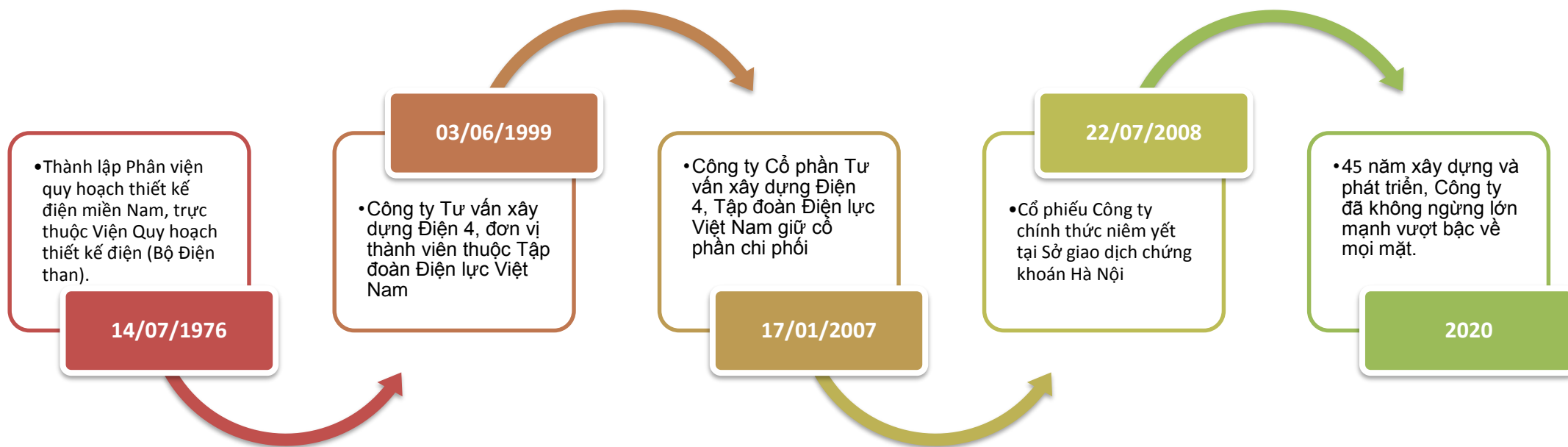
Trân trọng

**CHỦ TỊCH HĐQT**

  
**VŨ THÀNH DANH**



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN







# THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Với thành tích hơn 40 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- +01 Huân chương Độc lập hạng Nhì (Năm 2011)
- +01 Huân chương Độc lập hạng Ba (Năm 2006)
- +01 Huân chương Lao động hạng Nhất (1995)
- +01 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- +02 Huân chương Lao động hạng Ba

Và nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công Thương, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và nhiều Huân chương, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho các đơn vị trực thuộc và cá nhân tiêu biểu, xuất sắc của Công ty.



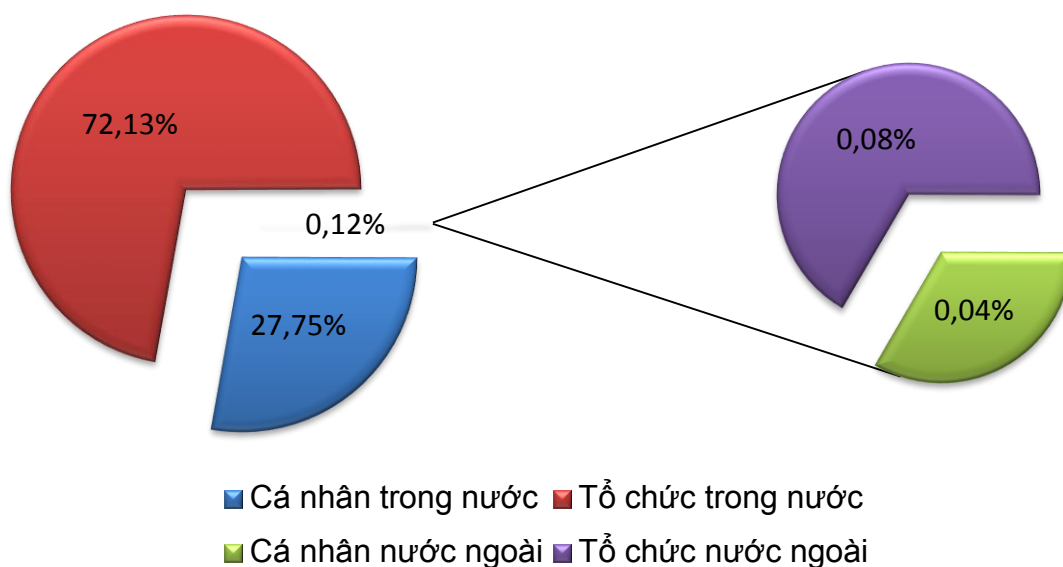
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Vũ Thành Danh nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa



## TỶ LỆ CỔ PHẦN TRONG CÔNG TY

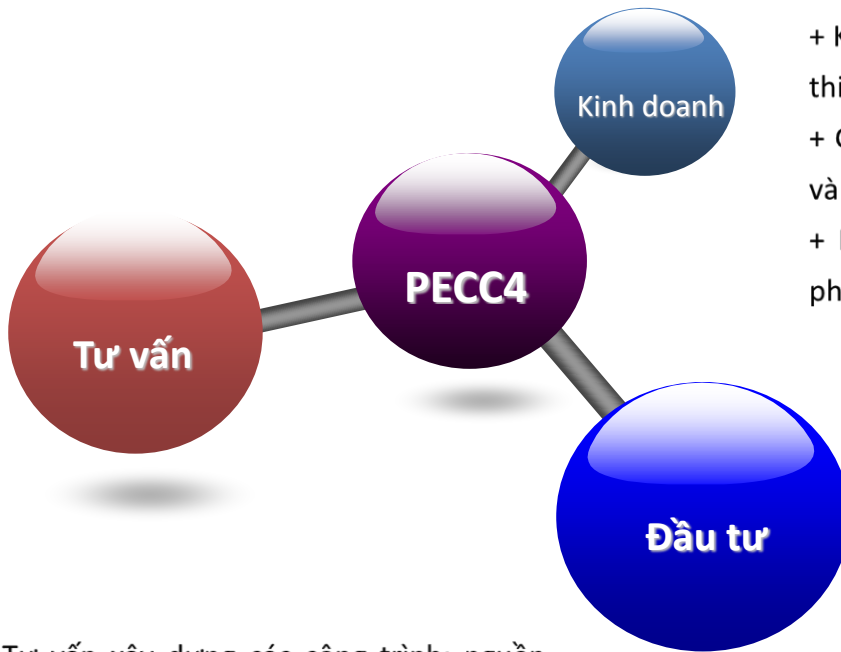
| STT       | Cơ cấu cổ đông                | Cổ phiếu          | Tỷ lệ %       |
|-----------|-------------------------------|-------------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Trong nước</b>             | <b>15.815.862</b> | <b>99,88%</b> |
| -         | Cá nhân                       | 4.394.665         | 27,75%        |
| -         | Tổ chức                       | 11.421.197        | 72,13%        |
|           | <i>Trong đó: Tập đoàn EVN</i> | <i>11.335.610</i> | <i>71,59%</i> |
| <b>II</b> | <b>Nước ngoài</b>             | <b>18.883</b>     | <b>0,12%</b>  |
| -         | Cá nhân                       | 6.973             | 0,04%         |
| -         | Tổ chức                       | 11.910            | 0,08%         |
|           | <b>Tổng cộng</b>              | <b>15.834.745</b> | <b>100%</b>   |

(Theo số liệu thời điểm 16/03/2021)





## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



- + Sản xuất kinh doanh điện năng;
- + Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- + Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu và xây lắp điện;
- + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật

- + Tư vấn xây dựng các công trình: nguồn điện, lưới điện, các dạng năng lượng mới và tái tạo, viễn thông điện lực, các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và các công trình dân dụng, công nghiệp
- + Tư vấn quản lý đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Buôn Đôn với tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 31% tương đương 164.074.690.000 đồng



Các dự án của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 trải dài ba miền Bắc Trung Nam





Thủy điện



Lưới điện

Các dạng năng lượng mới và tái tạo



Tư vấn, xây dựng, giám sát các công trình

Các công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật



Nhiệt điện





# MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG  
ĐIỆN 4**



**Chi nhánh**

**Công ty liên kết**

### **Chi nhánh phía Bắc**

Địa chỉ: Lô số 3 – TT4 – ngõ 183 – phố Hoàng Văn Thái – phường Khương Trung – quận Thanh Xuân –

### **Chi nhánh phía Nam**

Địa chỉ: 46/9 Trần Quý Khoách – phường Tân Định – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

### **Công ty Cổ phần Thuỷ điện Buôn Đôn**

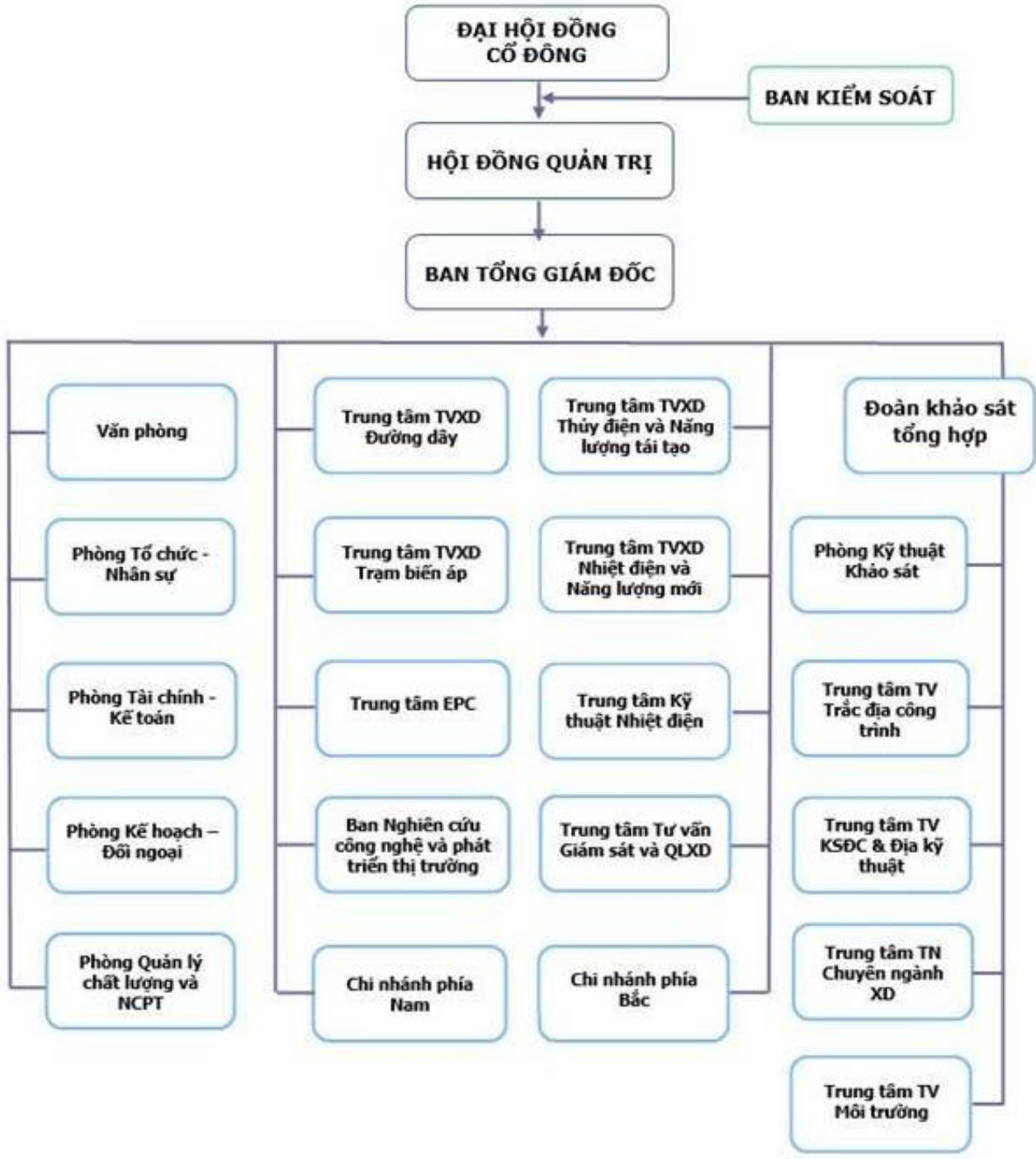
- Địa chỉ: Tầng 7 – Khách sạn Biệt Điện, Số 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Vốn điều lệ: 600.189.420.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 là 31% tương đương 186.060.690.000 đồng







# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ





## Giới thiệu Hội đồng quản trị



**Ông VŨ THÀNH DANH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**Ông LÂM DU SƠN**

Thành viên Hội đồng quản trị



**Ông TRẦN HOÀI NAM**

Thành viên Hội đồng quản trị



**Ông LÊ CAO QUYỀN**

Thành viên Hội đồng quản trị  
Người thực hiện chức trách, nhiệm vụ  
Tổng giám đốc



**Ông Trần Cao Hỷ**

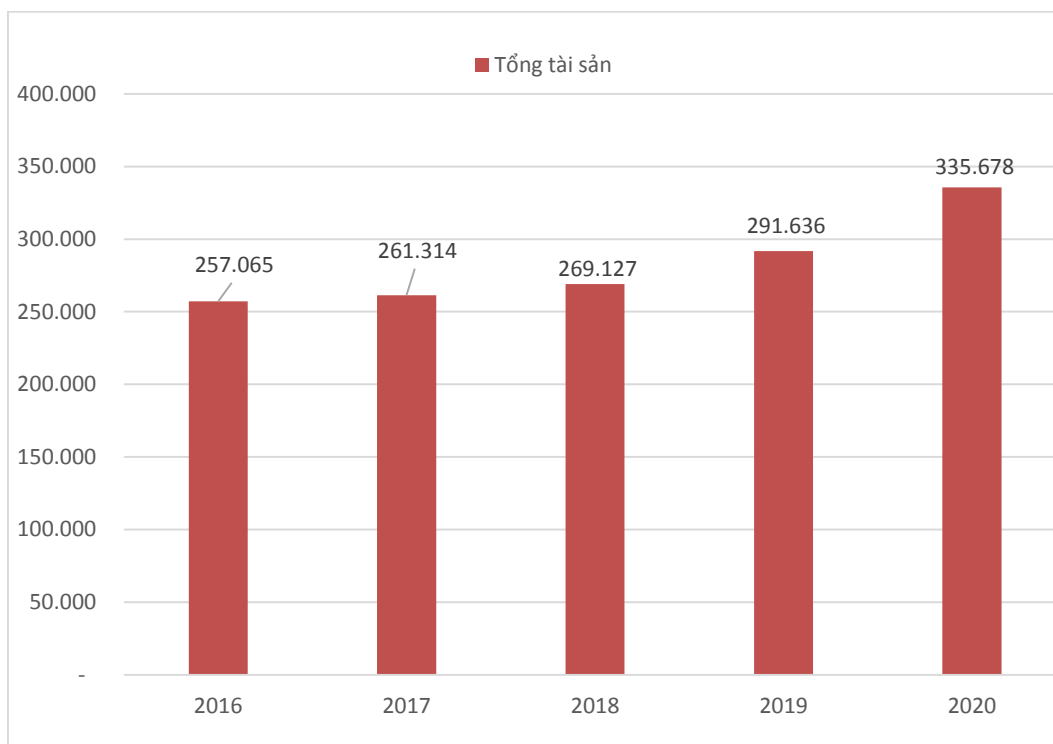
Thành viên Hội đồng quản trị  
Phó Tổng Giám đốc



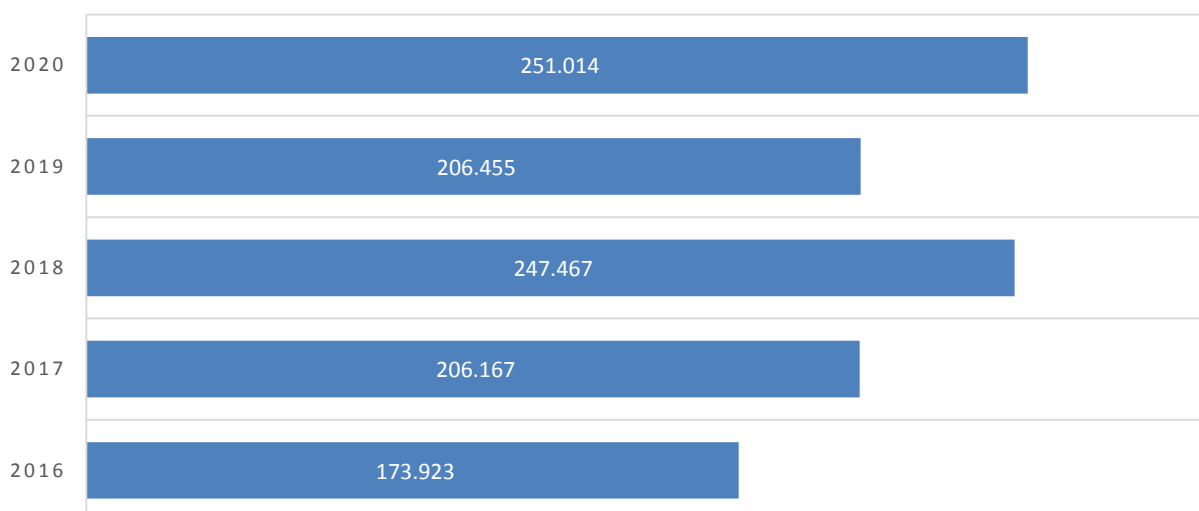




## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



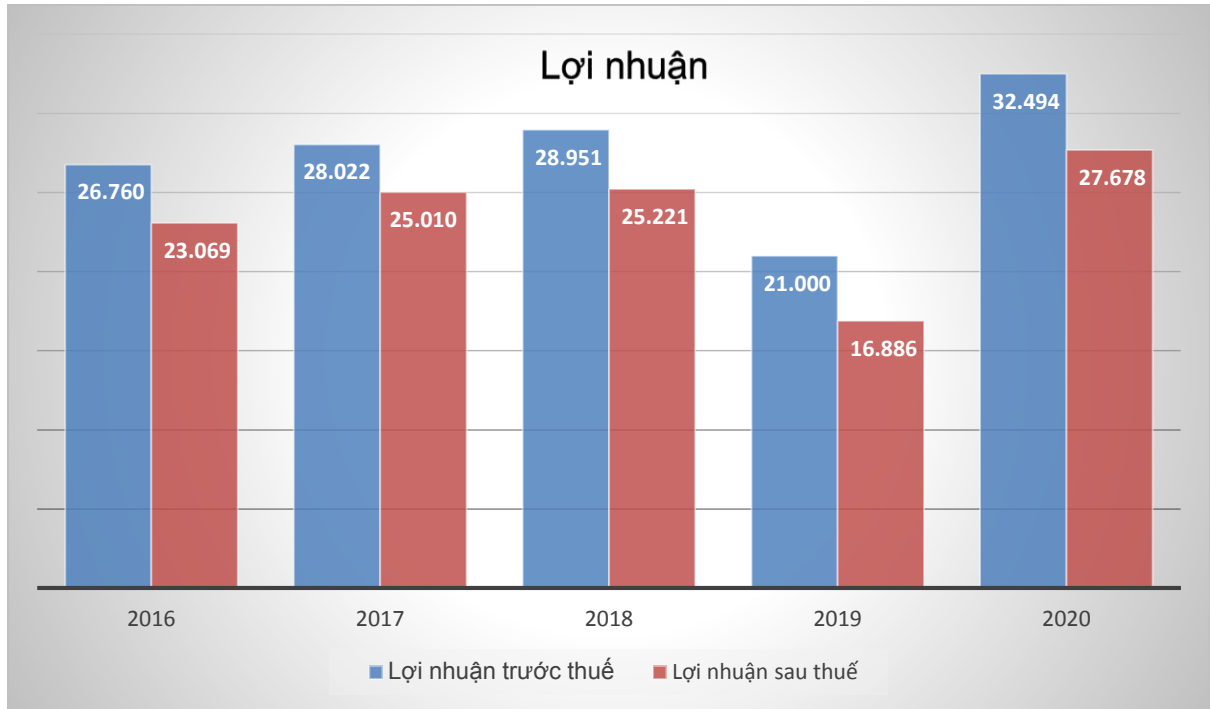
## DOANH THU THUẦN



|                   | 2016    | 2017    | 2018    | 2019    | 2020    |
|-------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| ■ Doanh thu thuần | 173.923 | 206.167 | 247.467 | 206.455 | 251.014 |

**DOANH THU THUẦN 2020 đạt 251 tỷ đồng**

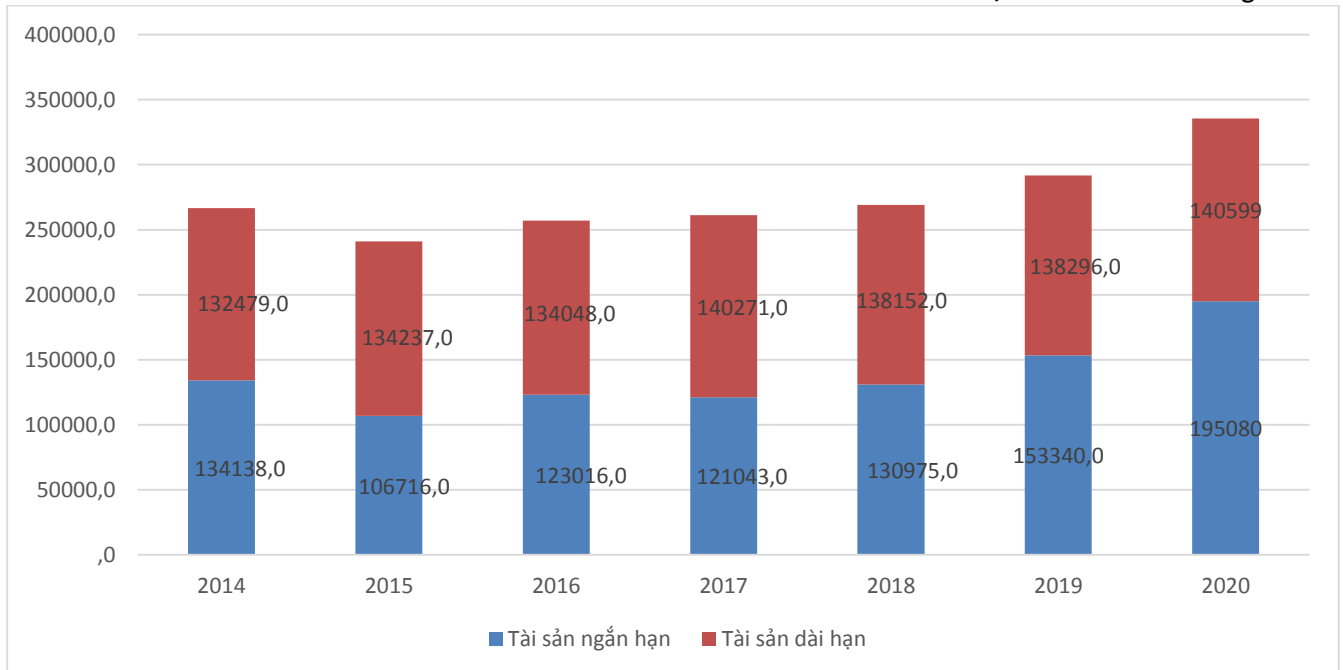




## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng





Tài sản của Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện 4 đến thời điểm 31/12/2020 tăng 44.042 triệu đồng tương đương tăng 15,1% so với thời điểm 1/1/2020. Trong đó cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm 58,12%, tài sản dài hạn chiếm 41,88% tổng tài sản.

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2020 tăng 41.470 triệu đồng (+27,22%), Tài sản dài hạn của Công ty tăng 2.302 triệu đồng (+1,66%).







## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                     | Số cuối năm    | Số đầu năm     | Biến động     |               |
|------------------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
|                              |                |                | Số tiền       | Tỷ lệ %       |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>           | 150.060        | 116.125        | 33.935        | <b>29,22%</b> |
| <b>Nợ dài hạn</b>            | -              | -              | -             | -             |
| <b>Tổng cộng nợ phải trả</b> | <b>150.060</b> | <b>116.125</b> | <b>30.511</b> | <b>29,22%</b> |

Trong năm qua công ty đảm bảo được nguồn vốn, không thực hiện vay nợ tài chính.

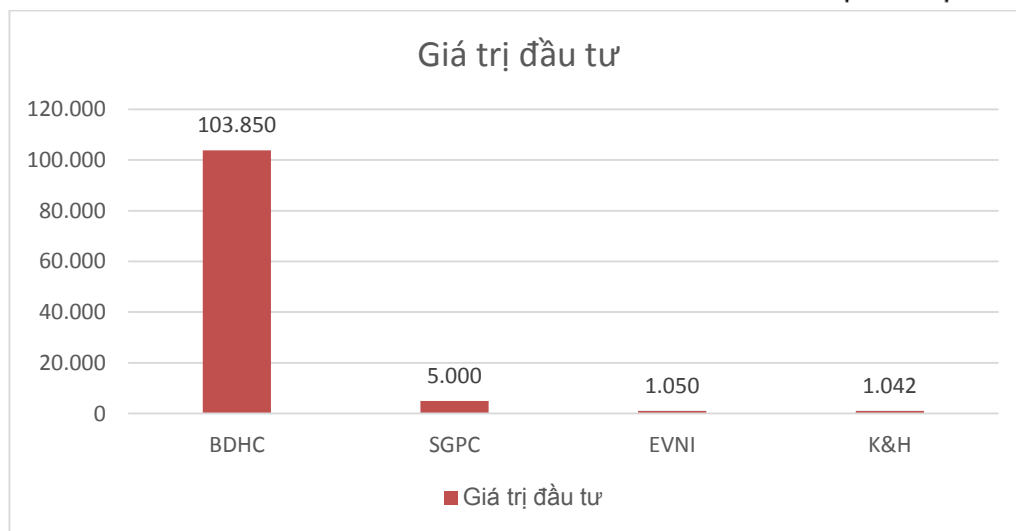




## Các khoản đầu tư tài chính



Đơn vị tính: triệu đồng





## Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang





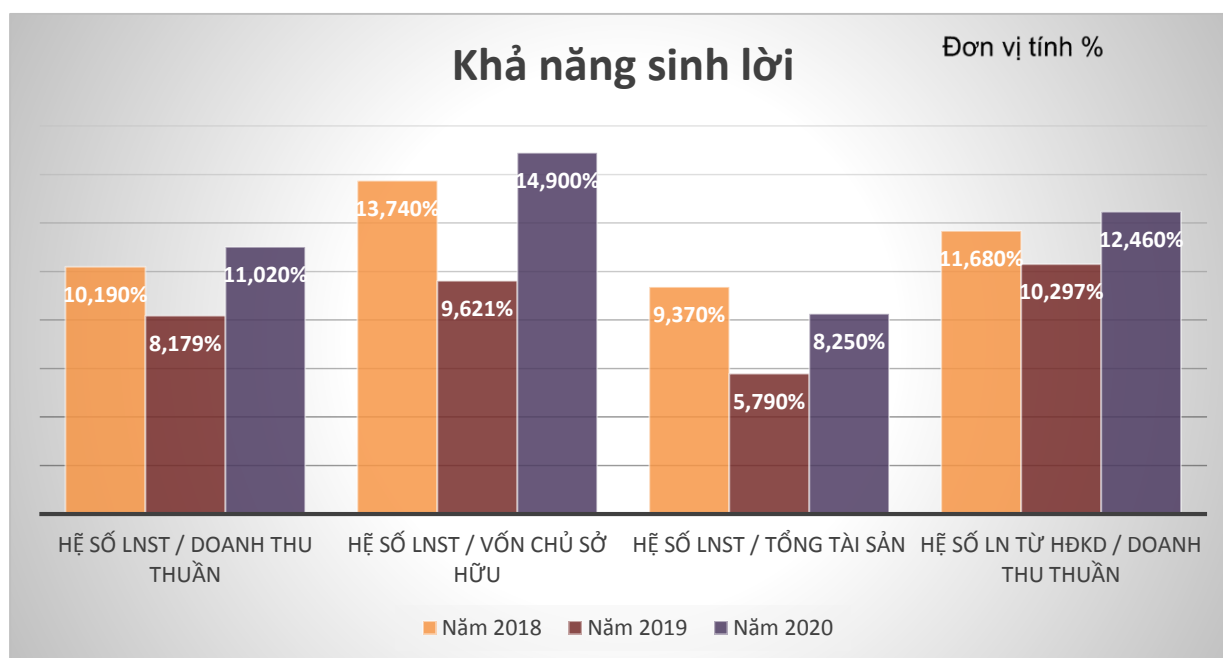


**Công ty Cổ phần Thủy điện  
Buôn Đôn**





| Chỉ tiêu                                     | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|--|----------|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>   |          |          |          |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                  | 1,53     | 1,32     | 1,30     |
| + Hệ số thanh toán nhanh                     | 1,44     | 1,25     | 1,28     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>            |          |          |          |
| + Hệ số nợ / tổng tài sản                    | 0,32     | 0,40     | 0,45     |
| + Hệ số nợ / vốn chủ sở hữu                  | 0,47     | 0,66     | 0,81     |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>    |          |          |          |
| + Vòng quay hàng tồn kho                     | 19,39    | 20,02    | 33,69    |
| + Doanh thu thuần / tổng tài sản             | 0,92     | 0,74     | 0,75     |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>     |          |          |          |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 10,19%   | 8,18%    | 11,02%   |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu  | 13,74%   | 9,62%    | 14,9%    |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản    | 9,37%    | 5,79%    | 8,25%    |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần  | 11,68%   | 10,30%   | 12,46%   |



Năm 2020, tình hình tài chính Công ty an toàn, các chỉ tiêu tài chính hoàn thành so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đặt ra.



## **II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

- 1. Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025**
- 2. Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030**
- 3. Giá trị bền vững**





## Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025

Cải thiện công tác vận hành công ty có hiệu quả: Công tác tổ chức, quản trị, đào tạo, marketing, chăm sóc khách hàng, giải quyết các nút thắt, ứng dụng công nghệ...

Mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh sản phẩm tư vấn

Phát triển một số sản phẩm mới: Thủy điện ngoài khơi, Nhiệt điện khí, rác, sinh khối; Tư vấn quản lý dự án, EPC, Bảo dưỡng sửa chữa, khảo sát đánh giá nhà máy, công trình



Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Vũ Thành Danh báo cáo chiến lược phát triển trước lãnh đạo tập đoàn EVN



## Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030

Sắp xếp lại mô hình tổ chức của công ty cho phù hợp với quy mô và hoạt động của Công ty

Đưa lĩnh vực dịch vụ sau tư vấn, đầu tư kinh doanh trở thành ngành kinh doanh chủ yếu

Tập trung phát triển các lĩnh vực tư vấn truyền thông có thế mạnh



Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Ông Nguyễn Đức Cường phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc với Công ty



Gia tăng giá trị sản lượng dịch vụ tư vấn, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động. Đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn

Tập trung phát triển dịch vụ tư vấn về năng lượng bền vững: các dự án năng lượng tái tạo (thủy điện, năng lượng mặt trời, gió,...); tái chế rác thải thành năng lượng,...

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Giá trị bền vững







### III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 1- Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 2- Báo cáo của Ban Điều Hành
- 3- Kế hoạch phát triển năm 2021





## 1. Báo cáo đánh giá Hội đồng quản trị

### Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2020, tuy bị tác động bởi dịch bệnh Covid – 19 nhưng với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể Lãnh đạo cùng toàn thể Người lao động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.





## Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Năm 2020, HĐQT tiếp tục sát cánh với Ban điều hành Công ty trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát, đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh. Trong năm, Ban điều hành đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh theo đúng định hướng được ĐHĐCĐ thông qua. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông

Trong năm, Tổng giám đốc, quản lý các đơn vị đã tích cực chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, công việc - đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng mới (gió, điện mặt trời). Cuối năm 2020, công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch

Song song với nhiệm vụ SXKD, năm 2020, Ban Điều hành đã có nhiều cơ chế, chính sách kiến toàn nhân sự, đào tạo, nâng cao đời sống Người lao động: tổ chức một số khóa đào tạo dài hạn và ngắn hạn, hội thảo chuyên đề nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và nâng cao năng lực tư vấn; Rà soát, hiệu chỉnh Hệ thống thang, bảng lương; Tiếp tục củng cố và phát triển nguồn nhân lực; Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước Lao động tập thể, Quy định trợ cấp, thăm hỏi cán bộ công nhân viên



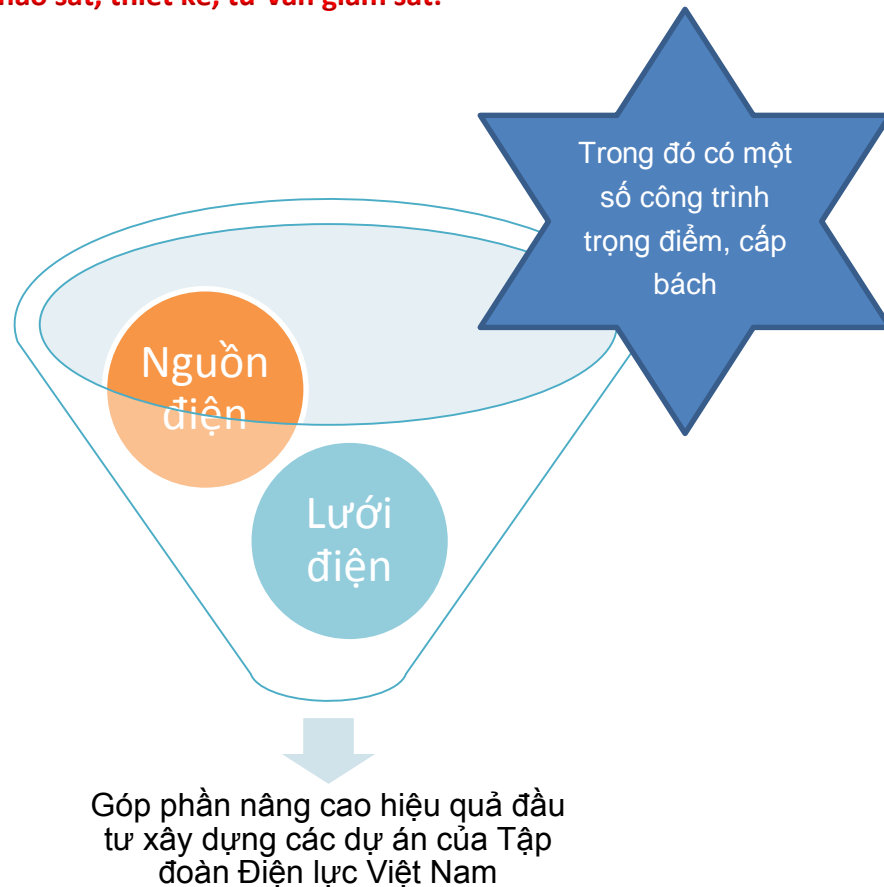




## 2. Báo cáo đánh giá của Ban điều hành

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**Nhiệm vụ tư vấn khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát:**



Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng hòa lưới vào hệ thống điện Quốc Gia



Ngoài lĩnh vực truyền thống là các dự án Lưới điện, năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện các dự án về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Điện Mặt trời, Điện Gió.



Điện mặt trời Xuân Thiện



Điện gió Trung Nam



# Tình hình thực hiện các dự án – Nguồn điện

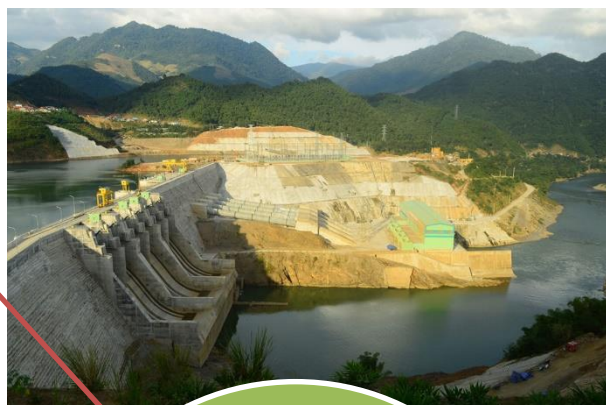
Tiếp tục triển khai TKKT giai đoạn 2 - TĐ tích năng Bắc Ái



Thủy điện tích năng Bắc Ái

Các dự án thủy điện

Thủy điện Trung Sơn



Hoàn thành bản vẽ thi công Thủy điện Sông Nhiệm 3

Hoàn thành Thiết kế xử lý sạt trượt Thủy điện Trung Sơn



Thủy điện Sông Nhiệm 3





## Tình hình thực hiện các dự án – Nhiệt điện

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1



Nhiệt điện Vĩnh Tân 4MR

Hoàn thành công tác Tư vấn quản lý hợp đồng EPC NMNĐ Vĩnh Tân 4 mở rộng

Tiếp tục triển khai lập Định mức BDSC định kỳ NMNĐ Vũng Áng 1

*Các dự án nhiệt điện và dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa*

Hoàn thành dịch vụ thử nghiệm giải pháp chống tắc than nguyên cho bunker NMNĐ Vĩnh Tân 2

Hoàn thành dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh lò Nhà máy nhiệt điện Nhôm Lâm Đồng;

Báo cáo NCKT nhà máy điện Tuabin khí LNG Cà Ná, Hoàn thành BSQH Nhà máy điện Tuabin khí chu trình hỗn hợp LGN Vân Phong, Tư vấn lập định mức tồn kho vật tư phục vụ công tác sửa chữa bảo dưỡng cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhơn Trạch 1

Nhiệt điện

Nhôm Lâm Đồng



LNG Cà Ná





## Tình hình thực hiện các dự án – Năng lượng tái tạo

*Các dự án năng lượng tái tạo*

Dự án Năng lượng mặt trời

Dự án Điện gió







**Trong lĩnh vực Điện mặt trời:**

Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam



Nghiên cứu khả thi, Thiết kế kỹ thuật, Bản vẽ thi công Nhà máy điện mặt trời Trung Nam - Thuận Nam

Điện mặt trời Solar Park 3



Thiết kế kỹ thuật, Bản vẽ thi công các Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1, Solar Park 3, Solar Park 4.

**Trong lĩnh vực Điện mặt trời**

Thiết kế kỹ thuật các NM điện mặt trời Đầm Trà Ô

Thiết kế kỹ thuật các NM điện mặt trời Thiên Tân 1.4



Điện mặt trời trên hồ Đầm Trà Ô



Điện mặt trời Thiên Tân 1.4





**Trong lĩnh vực điện gió:**

Lập Nghiên cứu khả thi các Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai, Chợ Long, Yang Trung, Hanbaram, Ia Pết – Đak Đoa 1, Ia Pết – Đak Đoa 2, ....

NCKT, TKKT NM điện gió Trung Nam giai đoạn 3, Bình Đại, Gió gió số 5 Ninh thuận, Nhơn Hội 1, 2

TKKT các NM điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên, Phong Liễu, Đông Hải 1, Lạc Hòa 1, Quốc Vinh Sóc Trăng

BVTC Nhà máy Điện gió Trung Nam giai đoạn 2



Lắp cột trụ đầu tiên ngoài biển – Điện gió Bình Đại



Đổ móng bê tông – Điện gió Phong Nguyên



Điện gió Trung Nam



## Tình hình thực hiện các dự án – Lưới điện





Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các ĐZ 500kV: Krông Buk - Tây Ninh 1, Lào Cai – Vĩnh Yên

Phó tổng giám đốc EVN - ông Nguyễn Hồng Phương cùng đoàn công tác đi kiểm tra hướng tuyến ĐZ 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên

**Các dự án Đường dây**

Khảo sát, Thiết kế kỹ thuật ĐZ 500kV Nhiệt Điện Vân Phong – Nhiệt Điện Vĩnh Tân (Đoạn từ NĐ Vân Phong đến điểm D)

Khảo sát, Thiết kế Bản vẽ thi công ĐZ 110kV Thanh An - Bến Cát

Khảo sát, Báo cáo nghiên cứu khả thi các ĐZ 220kV: Đường dây 220kV Nậm Mô (Lào) – Tương Dương, Tương Dương – Đô Lương, Mạch kép Ninh Phước – Thuận Nam



Đường dây 500kV Nhiệt Điện Vân Phong – Nhiệt Điện Vĩnh Tân





Khảo sát, NCKT các dự án TBA 500kV: Bình Dương 1, Bắc Châu Đức và đường dây đấu nối, Đồng Nai 2 và đường dây đấu nối, Duyên Hải 2 và Đường dây 500kV Duyên Hải – Vĩnh Long – TBA 500kV Ô Môn



TBA 500kV Ô Môn

Khảo sát, Thiết kế bản vẽ thi công các TBA 110kV Thủ Thiêm 1, TBA 110kV Thanh An và Đường dây đấu nối

## Các dự án trạm biến áp

Khảo sát, NCKT các dự án TBA 220kV: Ninh Hòa (Vạn Ninh), Tương Dương; Các Trạm cắt 220kV: Bờ Y và các ĐZ đấu nối, Đắk Ooc và các ĐZ đấu nối

TKBVTC NCS Trạm biến áp 500kV Vĩnh Tân, TBA 220kV Ninh Phước



Trạm biến áp 500kV Vĩnh Tân



## Tình hình thực hiện giám sát (TVGS)



Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 5.2



TVGS thi công các dự án Năng lượng tái tạo: NM điện mặt trời Trung Nam - Thuận Nam; Cụm NM điện mặt trời Xuân Thiện Ea Súp; Các NM Điện mặt trời Phan Lâm 2, Hồng Phong 5.2, ....



TVGS thi công các dự án lưới điện: ĐZ 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa, ĐZ 500/220kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín, ĐZ 500/220kV Hải Dương – Phố Nối, TBA 500kV Tây Hà Nội, TBA 500kV Việt Trì, ...



TBA 500kV Việt Trì



**Nhiệm vụ nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn:**

Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ



Phần mềm thiết kế Bentley

Công tác quản lý kỹ thuật – quản lý chất lượng







**Nhiệm vụ nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn:**

## Công tác nghiên cứu, ứng dụng Khoa học công nghệ

Triển khai ứng dụng công nghệ bay chụp ảnh trong công tác khảo sát các dự án lưới điện

Hoàn thiện đề án “Nghiên cứu các giải pháp tổng thể lắp đặt các hệ thống tụ bù ngang, kháng bù ngang trên dưới để giảm thời gian chạy chế độ bù đồng bộ của các Nhà máy Thủy điện” “nghiên cứu tính toán, phương án giải pháp tổng thể các nguồn điện cho toàn bộ khu vực Nam Trung Bộ”, “Giải pháp xây dựng tổng thể hạ tầng phục vụ giải tỏa công suất các dự án NLTT trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Kom Tum”



Công nghệ bay chụp ảnh

Đang triển khai đề án “Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất giải pháp bảo vệ chống sét cho Đường dây và Trạm biến áp cao áp, siêu cao áp của hệ thống điện Việt Nam. Thực hiện thí điểm ngăn ngừa sét đánh trực tiếp trên các cột đường dây cao áp 110kV, 220kV và siêu cao áp 500kV trên hệ thống điện bằng công nghệ Việt Nam”. Đề án nhằm mục đích xây dựng được cơ sở khoa học đề xuất giải pháp bảo vệ chống sét cho đường dây và trạm biến áp cao áp, siêu cao áp của hệ thống điện Việt Nam. Thực hiện thí điểm ngăn ngừa sét đánh trực tiếp trên các cột cao áp 110kV, 220kV và siêu cao áp 500kV trên hệ thống điện Việt Nam



Nghiên cứu tính toán giải pháp lắp đặt SVC ổn định điện áp, đáp ứng yêu cầu Thông tư 30/BCT cho các Nhà máy điện gió (NMĐG Bình Đại 1, 2, 3)...

Tiếp tục triển khai áp dụng công nghệ thiết kế 3D trong công tác tư vấn thiết kế Trạm biến áp và đường dây truyền tải; Nghiên cứu triển khai tính toán thiết kế cột thép sử dụng thanh thép ống trong các dự án đường dây truyền tải



Thiết kế bằng Công nghệ 3D

Đặc biệt, năm 2020 Công ty đã triển khai ứng dụng có hiệu quả công nghệ 4.0 trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành (100% sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số, triển khai rộng rãi và có hiệu quả họp trực tuyến, bước đầu triển khai số hóa hồ sơ dự án, hồ sơ lưu trữ...).



**Nhiệm vụ nâng cao năng lực tư vấn, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn:**

## Công tác quản lý kỹ thuật - quản lý chất lượng

Năm 2020, các đơn vị thiết kế đã có sự nỗ lực, cố gắng nhất định trong việc hoàn thành các hợp đồng dịch vụ tư vấn của Công ty, cơ bản đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ theo hợp đồng đã được Khách hàng phê duyệt, nghiệm thu, thanh toán mang lại giá trị gia tăng doanh thu trong năm

Chất lượng HSDA ngày càng được cải thiện, giảm thiểu sai sót, ít có ý kiến phản hồi từ Khách hàng. Qua thống kê các phản hồi từ Khách hàng, nhận thấy đa phần phản ảnh của khách hàng chủ yếu nhắc nhở việc nộp HSDA đáp ứng tiến độ theo hợp đồng

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 tiếp tục được duy trì, luôn được rà soát, cập nhật phù hợp với quy định, việc áp dụng hệ thống QLCL Công ty phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 ngày càng được hoàn thiện, các sản phẩm dịch vụ tư vấn về mẫu mã, phương thức được cải tiến và thống nhất trong toàn Công ty

Phong trào sáng kiến cải tiến tiếp tục được duy trì; Năm 2020 có 20 sáng kiến được Hội đồng sáng kiến Công ty công nhận.





**Về nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị Doanh nghiệp:**

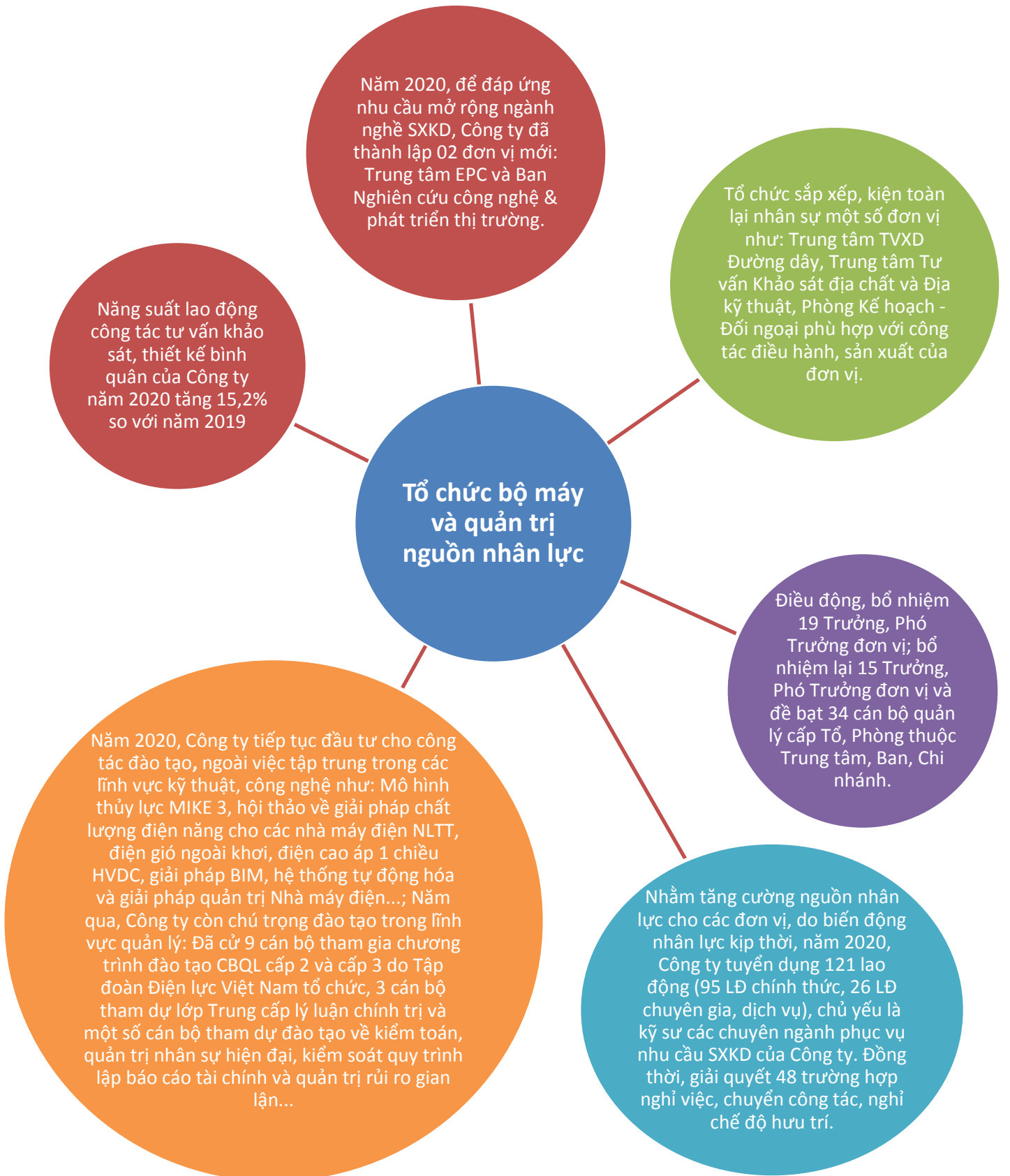


**Đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV**

**Quản trị tài chính**









**Về nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp:**

## Quản trị tài chính



Năm 2020, tình hình tài chính Công ty khả quan hơn những năm trước đây, các chỉ tiêu SXKD đều hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.



Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt việc kê khai thuế theo quy định, nộp đủ số tiền thuế phát sinh phải nộp; Báo cáo tài chính Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn với hệ số bảo toàn vốn là 1,1.



Năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm các nguồn lực, kiểm soát tốt ngân quỹ, dòng tiền chi hợp lý, đảm bảo tình hình thu – chi, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư mua sắm trang thiết bị; Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, hạn chế tối đa nợ tồn đọng (*trong năm Công ty đã thu được 1,3 tỷ đồng nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ từ các năm trước*).



Là doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), qua các năm Công ty luôn thực hiện tốt công tác minh bạch và công bố thông tin. Công ty được vinh danh là 1 trong 15 doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên HNX năm 2019 – 2020



# Đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV

Đảm bảo việc làm cho người lao động, không còn tình trạng chờ việc so với những năm trước đây. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 tăng hơn 20% hơn so với năm 2019. Từ tháng 7/2020, Công ty đã tăng quỹ lương hàng tháng cho CBCNV lên 10% so với thời gian trước đây; Các khoản chi trong dịp Lễ, Tết đều tăng so với những năm trước đây

Trích nộp đầy đủ các khoản về Bảo hiểm XH, Bảo hiểm y tế, BH thất nghiệp cho người lao động. Đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động, phối hợp với Công đoàn thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời cho người lao động gặp khó khăn do thiên tai.

Sửa đổi, bổ sung Quy định Trợ cấp, thăm hỏi CBCNV Công ty; Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể trong đó tăng mức trợ cấp ốm đau, hiếu, hỷ cho CBCNV...

Tổ chức Hội thao trong CNVC-LĐ kỷ niệm 44 năm ngày thành lập Công ty (14/7/1976 – 14/7/2020).

Công ty luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc; Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc, mua bổ sung, thay thế ô tô phục vụ sản xuất. Năm 2020, ngoài việc trang bị các thiết bị phục vụ sản xuất như: thiết bị bay chụp, máy định vị vệ tinh, máy khoan... Công ty đã mua 6 xe ô tô đã qua sử dụng với kinh phí hơn 4,2 tỷ đồng thay thế các xe ô tô cũ, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho CBCNV đi công tác. Đảm bảo diện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV







### 3. Kế hoạch phát triển năm 2021



Nâng cao năng suất lao động, phấn đấu doanh thu, lợi nhuận tăng 10% so với năm 2020;



Nâng cao năng lực tư vấn và chất lượng sản phẩm;



Tăng cường tiếp cận, mở rộng thị trường lĩnh vực tư vấn;



Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ 4.0, thực hiện nền tảng chuyển đổi số trong hoạt động SXKD và quản trị Công ty;



Triển khai ứng dụng BIM giai đoạn 2021-2022.



Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp





## **IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

**1- Tổng quan về quản trị**

**2- Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

**3- Hoạt động Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

**4- Quản trị rủi ro**



## 1- Tổng quan về quản trị



Quy chế quản trị

Hoàn thiện quy chế quản trị nội bộ

Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp

Hoạt động Kiểm toán, quản lý rủi ro, pháp chế...

Đảm bảo lợi ích

Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cổ đông, nhà đầu tư

Vận hành hiệu quả  
Mô hình quản trị Doanh nghiệp







## 2- Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban điều hành

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông VŨ THÀNH DANH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ngày sinh** : 18/08/1964

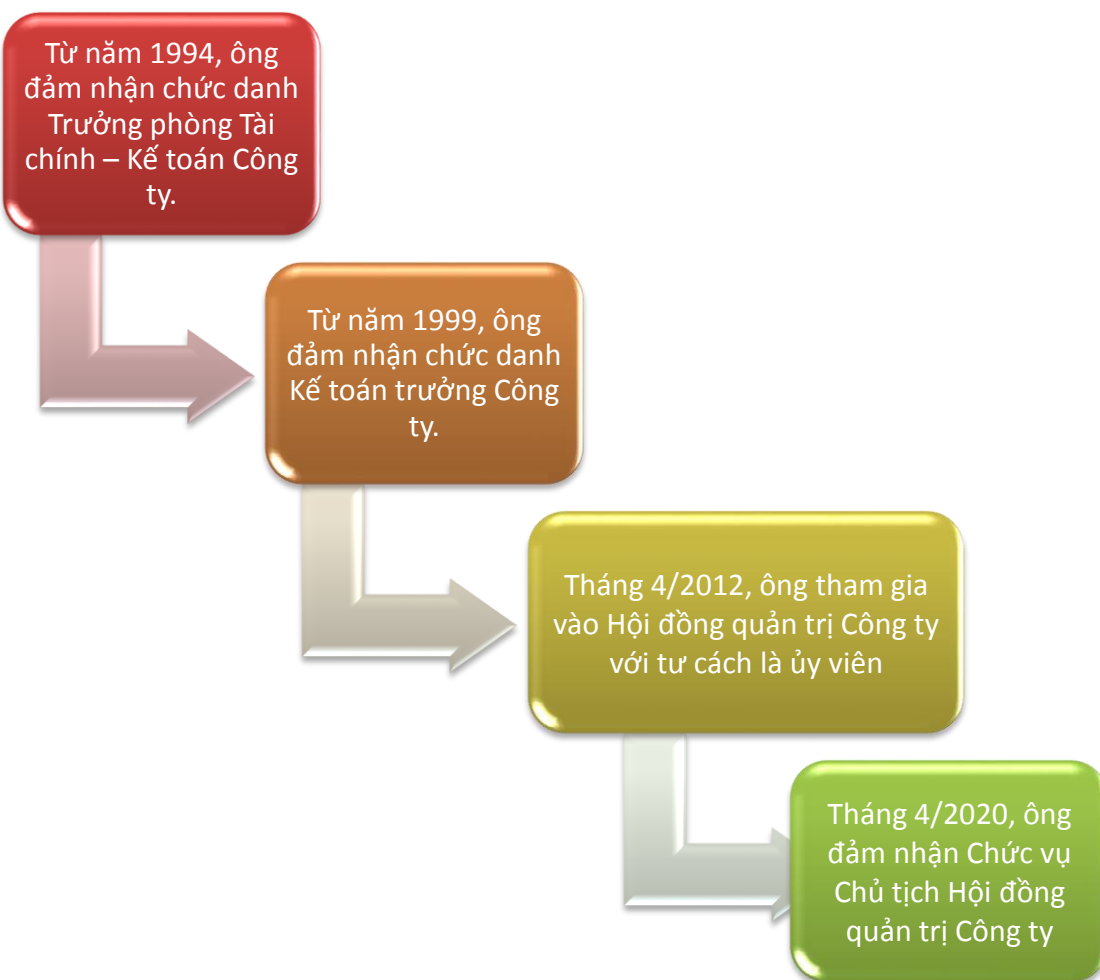
**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 78/37 Tuệ Tĩnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn**: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Cử nhân Tài chính – Tín dụng.

**Thành tích khen thưởng**: Huân chương Lao động hạng Nhì

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1988





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông TRẦN HOÀI NAM**

Thành viên Hội đồng quản trị

**Ngày sinh** : 04/03/1960

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 150A Lê Hồng Phong,  
Phường Phước Hải, TP  
Nha Trang – Khánh  
Hòa, Việt Nam

**Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư Điện kỹ thuật

**Thành tích khen thưởng** : Huân chương Lao  
động hạng Nhì

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây  
dựng Điện 4 từ năm 1983.

Từ năm 1992,  
ông đảm nhận  
chức danh Phó  
phòng Thiết kế  
Đường dây

Từ năm 1993,  
ông đảm nhận  
chức danh  
Trưởng phòng  
Thiết kế  
Đường dây

Từ năm 2006,  
ông đảm nhận  
chức danh Phó  
Tổng giám  
đốc.

Tháng 4/2012,  
ông tham gia  
Hội đồng quản  
trị Công ty với  
tư cách là  
Thành viên  
HĐQT.

15/3/2018,  
ông được bổ  
nhiệm vào  
chức danh Chủ  
tịch Hội đồng  
quản trị kiêm  
Tổng Giám đốc  
Công ty

Tháng 4/2021,  
Ông thôi giữ  
chức vụ Chủ  
tịch HĐQT,  
Tổng giám đốc  
để nghỉ hưu.  
Hiện ông là  
Thành viên  
HĐQT.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông LÂM DU SƠN**

Thành viên Hội đồng quản trị

**Ngày sinh** : 19/8/1954  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : A1-10 Mỹ Phú 3A, Nguyễn Lương Bằng, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh  
**Trình độ chuyên môn**: Tiến sỹ  
**Kinh nghiệm**: Ông tham gia vào ngành điện Việt Nam từ năm 1986.

Từ năm 1986, ông đảm nhận chức danh Phó Giám đốc Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh



Từ năm 1999, ông đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng Điện 3.



Tháng 4/2017, ông tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 với tư cách là Thành viên HĐQT.



Từ năm 2002, ông đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn điện lực Việt Nam.

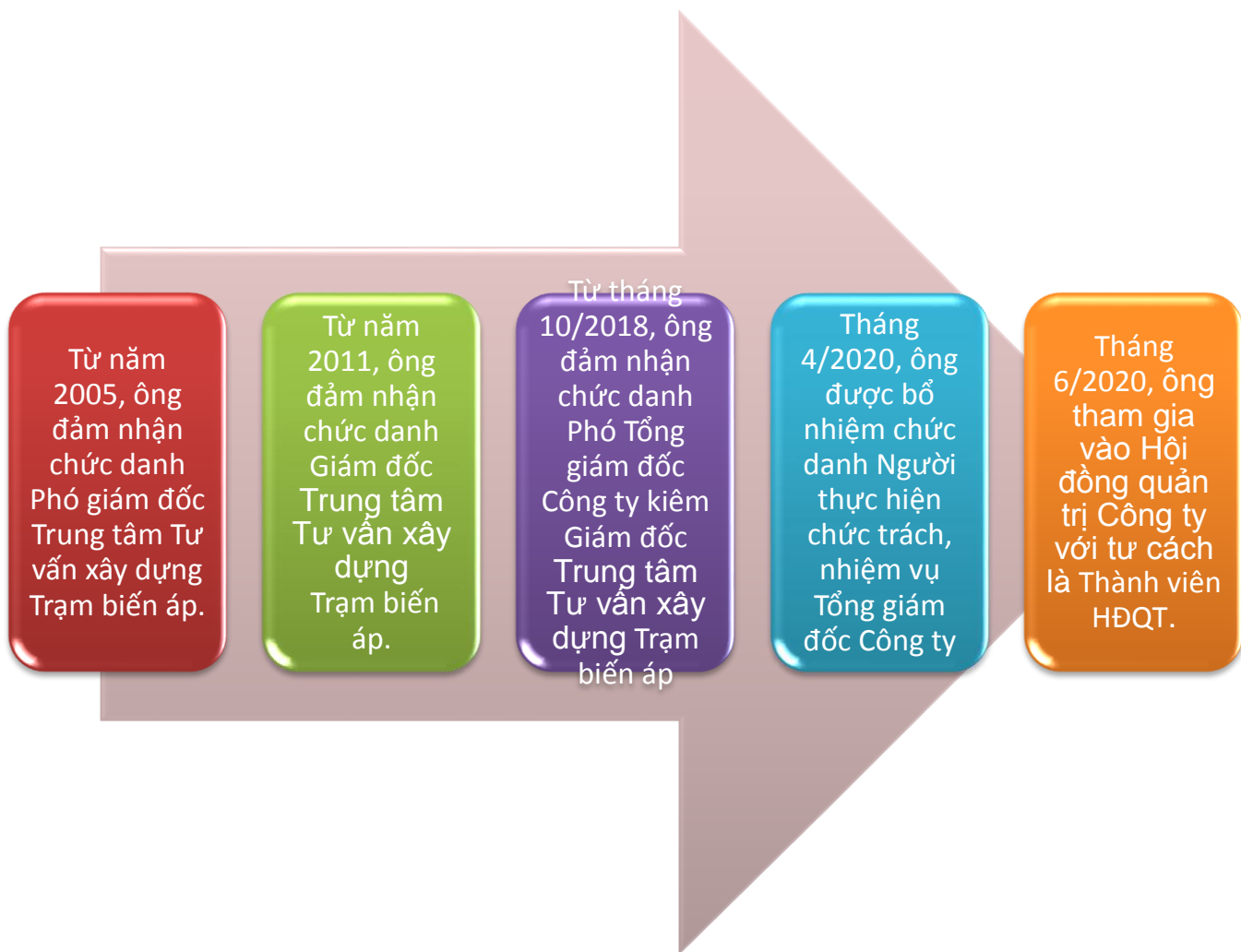




**Ông Lê Cao Quyền**

Thành viên Hội đồng quản trị - Người thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc

**Ngày sinh** : 14/10/1975  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 34/14/7A Lê Hồng Phong, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**Trình độ chuyên môn**: Tiến sỹ mạng và hệ thống điện  
 Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1999





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Trần Cao Hỷ**

Thành viên Hội đồng quản trị -  
Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh** : 17/06/1976  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : STH 27.36, khu đô thị Lê Hồng Phong II, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**Trình độ chuyên môn**: Thạc sỹ Xây dựng.  
 Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1999.

Từ năm 2005, ông đảm nhận chức danh Phó phòng Tư vấn Đường dây.

Từ năm 2006, ông đảm nhận chức danh Giám đốc Trung tâm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Từ năm 2014, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban TGD kiêm Giám đốc Trung tâm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Từ năm 2016, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban Tổng giám đốc kiêm Trưởng Phòng Tổ chức nhân sự.

Từ năm 2017, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng Đường dây.

Tháng 4/2018, ông tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty với tư cách là Thành viên HĐQT.

Tháng 11/2019, ông đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT:

| TT | Họ và tên     | Chức danh     | Số lượng cổ phiếu |                  |           | Tỷ lệ (%) |
|----|---------------|---------------|-------------------|------------------|-----------|-----------|
|    |               |               | Cá nhân           | Đại diện vốn EVN | Tổng      |           |
| 1  | Vũ Thành Danh | Chủ tịch HĐQT | 92.007            | 4.534.244        | 4.626.251 | 29,22%    |
| 2  | Lê Cao Quyền  | TV HĐQT       | 5.204             | 3.400.683        | 3.405.887 | 21,51%    |
| 3  | Trần Cao Hỷ   | TV HĐQT       | 5.069             | 3.400.683        | 3.405.752 | 21,51%    |
| 3  | Lâm Du Sơn    | TV HĐQT       | 339.257           | -                | 339.257   | 2,14%     |
| 3  | Trần Hoài Nam | TV HĐQT       | 26.520            | -                | 53.907    | 0,14%     |

(Số liệu tại ngày 16/3/2021)





## BAN KIỂM SOÁT



**Ông HỒ NAM KHÁNH**

Trưởng Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 14/05/1980  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 6/26 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa  
**Trình độ chuyên môn**: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 2003.

Từ năm 2014: Giữ chức vụ Phó Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4.

Từ tháng 5/2016 đến nay, giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty



**Ông Nguyễn Duy Quốc Việt**

Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 13/01/1974  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 812/6 Trường Sa, Phường 14, Quận 3, TPHCM  
**Trình độ chuyên môn**: Thạc sỹ

1998-2002 Tổ trưởng tổ kiểm tra – Phòng Tài chính kế toán – Công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh + 2002-2007 Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty điện lực Gò Vấp – Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

2007-2015 Phó ban Tài chính kế toán Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh + 2015-2018 Kế toán trưởng Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 12/2018 Phó tổng giám đốc Tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 04/2018, ông tham gia vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 4 với tư cách là thành viên Ban kiểm soát



## BAN KIỂM SOÁT



**Ngày sinh** : 19/12/1970  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : P 503/30A Đoàn Thị Điểm, P.  
Quốc Tử Giám, Quận Đống  
Đa, Hà Nội  
**Trình độ chuyên môn**: Chuyên viên chính

**Bà Nguyễn Thị Hải Yến**

Thành viên Ban kiểm soát

Từ 1995-2003, Công  
tác tại trung tâm  
thiết bị lưới điện  
phân phối - Công ty  
sản xuất thiết bị  
Đông Anh - Chuyên  
viên kế toán

Từ 2003-2008, Công  
tác tại TCT Điện lực  
Việt Nam, Chuyên  
viên kế toán.

Từ 2008, Công tác tại  
Tập đoàn Điện lực Việt  
Nam, Chuyên viên  
chính

Ngày 30/06/2020,  
bà tham gia Ban  
kiểm soát của Công  
ty Cổ phần tư vấn  
xây dựng Điện 4 với  
tư cách là thành viên  
Ban kiểm soát



## **BAN ĐIỀU HÀNH**



**Ông LÊ CAO QUYÊN**

Thành viên Hội đồng quản trị – người thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng giám đốc



**Ông Trần Cao Hỷ**

Thành viên Hội đồng quản trị  
- Phó Tổng Giám đốc



**Ông NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc



**Bà Trần Lê Thanh Bình**

Trưởng phòng Tài chính Kế Toán





## Danh sách Ban điều hành

- Ông LÊ CAO QUYỀN: đã trình bày trên phần Hội đồng quản trị
- Ông TRẦN CAO HỸ: đã trình bày trên phần Hội đồng quản trị



**Ngày sinh** : 24/09/1964  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ thường trú** : 09 (Lô 4) Hoàn Kiếm, Phước Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa  
**Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư Thủy lợi - Thủy điện  
Ông tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 từ năm 1987

**Ông NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc Công ty

Từ năm 2001, ông đảm nhận chức danh Phó phòng Thiết kế Nguồn điện

Từ năm 2003, ông đảm nhận chức danh Trưởng phòng Thiết kế Nguồn điện

Từ năm 2009, ông đảm nhận chức danh Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Từ năm 2014, ông đảm nhận chức danh Trợ lý Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

Từ năm 2015, ông đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty



## Danh sách Ban điều hành



**Bà Trần Lê Thanh Bình**

Trưởng phòng Tài chính Kế Toán

**Ngày sinh** : 29/10/1975

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 34/2/14 Nguyễn Thiện Thuật,  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh  
Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn**: Cử nhân Kế toán

Bà tham gia vào Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng  
Điện 4 từ năm 2000

Năm 2008, đảm nhận chức danh Tổ  
phó Phòng Tài chính - Kế toán Công  
ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

Năm 2009, Tổ trưởng Phòng Tài  
chính - Kế toán Công ty Cổ phần Tư  
vấn xây dựng Điện 4

Từ năm 2012, Phó phòng Tài chính -  
Kế toán Công ty Cổ phần Tư vấn xây  
dựng Điện 4

Tháng 4/2020 đến nay, Trưởng  
phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ  
phần Tư vấn xây dựng Điện 4



## Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành



Ngày 01/04/2020, ông Trần Hoài Nam thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty, nghỉ hưu theo chế độ.



Ngày 01/04/2020, ông Vũ Thành Danh được bổ nhiệm chức danh người thực hiện chức trách, nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 31/03/2020.



Ngày 01/04/2020, ông Lê Cao Quyền được bổ nhiệm chức danh người thực hiện chức trách, nhiệm vụ Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 31/03/2020.





### 3- Hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

#### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự                |
|-----|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------|
| 1   | Vũ Thành Danh   | 13/13                    | 100%              |                                    |
| 2   | Trần Hoài Nam   | 13/13                    | 100%              |                                    |
| 3   | Lâm Du Sơn      | 13/13                    | 100%              |                                    |
| 4   | Trần Cao Hỷ     | 13/13                    | 100%              |                                    |
| 5   | Lê Cao Quyền    | 8/8                      | 100%              | Tham gia HĐQT kể từ ngày 30/6/2020 |





## Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2020:

| STT | Số NQ, QĐ | Ngày      | Nội dung   |
|-----|-----------|-----------|--|
| 1   | 36        | 14/2/2020 | Tạm ứng cổ tức năm 2019 của Công ty CP TVXD Điện 4.  |
| 2   | 37        | 14/2/2020 | Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP TVXD Điện 4.   |
| 3   | 70        | 24/3/2020 | Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4 đối với ông Nguyễn Xuân Phương                     |
| 4   | 72        | 31/3/2020 | Cử nhân sự thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và TGD Công ty CP TVXD Điện 4.               |
| 5   | 75        | 31/3/2020 | Giao cán bộ thực hiện chức trách, nhiệm vụ Tổng giám đốc Công ty CP TVXD Điện 4.                         |
| 6   | 77        | 6/4/2020  | Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP TVXD Điện 4.                             |
| 7   | 82, 83    | 7/4/2020  | Bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP TVXD Điện 4.  |
| 8   | 129       | 25/5/2020 | Thành lập Ban xây dựng chiến lược phát triển Công ty CP TVXD Điện 4.                                     |
| 9   | 147       | 16/6/2020 | Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2019 của Công ty CP TVXD Điện 4. |
| 10  | 148       | 16/6/2020 | Thành lập Ban tổ chức và các Tiểu ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2020 Công ty CP TVXD Điện 4.             |
| 11  | 149       | 16/6/2020 | Phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2020 của Công ty CP TVXD Điện 4.       |
| 12  | 150       | 16/6/2020 | Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Công ty CP TVXD Điện 4 năm 2020.   |
| 13  | 222       | 20/7/2020 | Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.  |
| 14  | 317       | 1/9/2020  | Quy định phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty CP TVXD Điện 4.                                    |



|    |          |           |  |
|----|----------|-----------|--|
| 15 | 318, 319 | 1/9/2020  | Bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm EPC Công ty CP TVXD Điện 4.                    |
| 16 | 324      | 24/9/2020 | Bổ nhiệm lại cán bộ và biệt phái cán bộ Công ty CP TVXD Điện 4             |
| 17 | 337      | 29/9/2020 | Xây dựng Trung tâm thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Công ty CP TVXD Điện 4 |
| 18 | 441      | 5/11/2020 | Thanh toán cổ tức còn lại năm 2020   |
| 19 | 521      | 1/12/2020 | Bổ nhiệm cán bộ Công ty CP TVXD Điện 4                                     |

Danh sách các ủy viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Ông Vũ Thành Danh - Ủy viên Hội đồng quản trị: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, đạt chứng chỉ quản trị công ty do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.





## Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành

- HĐQT thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và của HĐQT.
- HĐQT tổ chức họp thường kỳ để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đề ra những giải pháp chỉ đạo kịp thời, định hướng hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 (Công ty CP TVXD Điện 4).
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
- Chỉ đạo việc thanh toán cổ tức năm 2019.
- Thông qua lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và tuân thủ các qui định của pháp luật.





## 2- BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

1. Ông Hồ Nam Khánh            Trưởng Ban
2. Nguyễn Duy Quốc Việt    Thành viên
3. Nguyễn Thị Hải Yến        Thành viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên            | Chức danh                | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|-----------|
| 1   | Hồ Nam Khánh         | Trưởng Ban kiểm soát     | 52.413            | 0,33      |
| 2   | Nguyễn Duy Quốc Việt | Thành viên Ban kiểm soát | 57.854            | 0,37      |
| 3   | Nguyễn Thị Hải Yến   | Thành viên Ban kiểm soát | 5.000             | 0,03      |

*(Theo số liệu ngày 16/3/2021)*



Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Hồ Nam Khánh và Bà Nguyễn Thị Hải Yến



## Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019, Quý I, II, III năm 2020.
  - Theo kế hoạch hoạt động năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 đợt kiểm soát tại trụ sở chính của Công ty từ ngày 16/3- 20/3/2020; 14/9-18/9/2020 với các nội dung:
    - + Kiểm soát hoạt động năm 2019 và thẩm định BCTC năm 2019 của TV4 (thực hiện trước ĐHCĐ thường niên năm 2020).
    - + Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020; Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020, các Nghị quyết HĐQT TV4 trong 6 tháng đầu năm 2020; Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020; Kế hoạch và giải pháp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
    - Trong năm BKS đã thực hiện: Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết/quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của TV4; Tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp Ban điều hành về công tác kế hoạch..; Xem xét các báo cáo tổng kết và báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ của Ban Tổng Giám đốc để kịp thời cập nhật thông tin cho hoạt động của BKS...
    - Qua đợt kiểm soát nhận thấy HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành và chấp hành tốt các quy định của pháp luật hiện hành.
    - Năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được các đơn thư khiếu nại của cổ đông.
- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

| STT | Họ và tên            | Chức vụ        | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Ghi chú                           |
|-----|----------------------|----------------|--------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| 1   | Hồ Nam Khánh         | Trưởng BKS     | 3/3                      | 100%              |                                   |
| 2   | Trần Vĩnh Thái       | Thành viên BKS | 1/3                      | 100%              | Không là TV BKS từ ngày 30/6/2020 |
| 3   | Nguyễn Duy Quốc Việt | Thành viên BKS | 3/3                      | 100%              |                                   |
| 4   | Nguyễn Thị Hải Yến   | Thành viên BKS | 2/3                      | 67%               | TV BKS từ ngày 30/6/2020          |





## **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

- BKS đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban định kỳ giữa Ban TGD và các cán bộ quản lý, các cuộc họp quan trọng khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TV4 khi có yêu cầu.

- Trong quá trình kiểm soát tại trụ sở TV4, BKS đã trao đổi, thảo luận và kiến nghị với Ban quản lý điều hành TV4 nhằm hoàn thiện cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của TV4 để TV4 thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ TV4 và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của TV4. Đồng thời, các thành viên BKS đã trực tiếp làm việc với một số đơn vị tại TV4 qua đó thu thập thêm thông tin tình hình hoạt động của Đơn vị phục vụ công tác kiểm soát đạt hiệu quả. Ban điều hành cũng đã phối hợp giúp BKS thực hiện tốt nhiệm vụ trong quá trình tiến hành kiểm soát và thực hiện kiến nghị kiểm soát. Công tác kiểm soát của BKS đã giúp cho HĐQT, Ban Điều hành đánh giá đúng những ưu điểm và tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tại TV4



## Hoạt động khác của BKS

Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty niêm yết trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.

Rà soát kiểm tra công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Giám sát việc thực hiện tạm ứng, thanh toán cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt.

BKS cũng đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các báo cáo về công tác kiểm soát theo quy định





### 3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

#### 3.1- Thù lao:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2020:

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Họ và tên            | Chức danh                                    | Số tiền đã nhận    |
|-----|----------------------|--|--------------------|
| 2   | Vũ Thành Danh        | Chủ tịch Hội đồng quản trị                   | 18.000.000         |
| 1   | Lâm Du Sơn           | Ủy viên Hội đồng quản trị                    | 72.000.000         |
| 2   | Trần Hoài Nam        | Ủy viên Hội đồng quản trị                    | 54.000.000         |
| 4   | Trần Vĩnh Thái       | Thành viên Ban kiểm soát                     | 24.000.000         |
| 5   | Nguyễn Duy Quốc Việt | Thành viên Ban kiểm soát                     | 48.000.000         |
| 7   | Nguyễn Thị Hải Yến   | Thành viên Ban kiểm soát                     | 24.000.000         |
| 8   | Trần Lê Thanh Bình   | Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty | 24.000.000         |
|     | <b>Tổng cộng</b>     |  | <b>264.000.000</b> |

3.2- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

3.3- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.





## 4- Quản trị rủi ro

Trong năm 2020, đối mặt với nhiều thách thức của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả như: tổ chức đầy đủ các cuộc họp để đánh giá, giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro trong toàn Công ty, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

### Quản trị Rủi ro tư vấn

Trong quá trình kinh doanh, Công ty luôn đánh giá và giám sát các sản phẩm tư vấn trước khi giao cho khách hàng, giảm thiểu tối đa sai sót mang lại niềm tin tuyệt đối của khách hàng tới sản phẩm tư vấn mà Công ty làm ra.



### Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Với nền kinh tế mở hiện nay, rất nhiều tư vấn thuộc công ty tư nhân tham gia đấu thầu dự án. Công ty đã lên các phương án phù hợp về kỹ thuật và giá để có thể cạnh tranh lành mạnh với các đối thủ.





## Rủi ro nhân sự

Chảy máu chất xám luôn là vấn đề mà mọi công ty đều phải đối mặt. Đây chính là rủi ro lớn nhất gặp phải trong nhân sự. Trong năm qua, Công ty luôn đảm bảo được nguồn lực lao động cụ thể tăng 12,4% so với năm 2019. Ngoài ra, Công ty đã đảm bảo tốt đời sống cho cán bộ công nhân viên, thu nhập gia tăng 10% so với năm 2019.

Công ty đảm bảo sức khỏe cho người lao động khi trang bị đầy đủ phương tiện y tế bảo đảm phòng chống dịch Covid hiệu quả. Có các biện pháp phòng tránh hay cách ly đối với cán bộ công nhân viên công tác ở các địa phương khác.

## Rủi ro Pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, các luật thuế,... những thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và điều này ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay, luật doanh nghiệp thay đổi mới và được áp dụng vào ngày 01/01/2021, Công ty đã có những rà soát, thay đổi các quy chế của công ty để phù hợp với bộ luật trên.

**NHỮNG VIỆC HỌC SINH CẦN LÀM TẠI TRƯỜNG HÀNG NGÀY**

**ĐỂ PHÒNG TRÁNH MẮC BỆNH COVID-19**

- Rửa tay với nước sạch và xà phòng (hoặc dung dịch rửa tay khô) thường xuyên vào các thời điểm:**
  - Trước khi vào lớp
  - Trước và sau khi ăn
  - Sau khi ra chơi, nghỉ giữa giờ
  - Sau khi đi vệ sinh
  - Khi tay bẩn
- Che mũi, miệng khi ho hoặc hắt hơi (tốt nhất bằng giấy lau sạch, khăn vải hoặc khăn tay, hoặc ống tay áo để làm giảm phát tán dịch tiết đường hô hấp). Vứt bỏ khăn, giấy che mũi, miệng vào thùng rác và rửa sạch tay.**
- Không đưa tay lên mắt, mũi, miệng**
- Không dùng chung các đồ dùng cá nhân như cốc, bình nước, khăn mặt, khăn lau tay, gối, chăn...**
- Không khạc, nhổ bừa bãi**
- Bỏ rác đúng nơi quy định**
- Nếu bản thân hoặc thấy học sinh khác có sốt, ho, đau họng, khó thở thì báo ngay cho giáo viên chủ nhiệm**

\* Lưu ý: Giáo viên hướng dẫn, giúp đỡ học sinh thực hiện đối với trẻ mầm non, học sinh tiểu học.

**BỘ Y TẾ**      **CỤC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ**      Đường dây nóng của Bộ Y tế: 19003228, 19009095

**LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020**

**(ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI KỶ HỌP THỨ 9 QUỐC HỘI KHÓA XIV)**

Luật số 59/2020/QH14 Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG**



## Rủ ro Tài chính

Rủ ro về tài chính bao gồm rủi ro về lãi suất và tỷ giá ngoại tệ.

Rủ ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Điều này khó tránh khỏi khi các dự án hiện nay Chủ đầu tư nước ngoài đầu tư nhiều hơn so với các năm trước.



Rủ ro lãi suất cụ thể là lãi suất tiền gửi hoặc cho vay. Lãi suất thay đổi có thể ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư, thu nhập lãi và việc tái đầu tư.

## Rủ ro Chiến lược

Rủ ro chiến lược là rủi ro khi doanh nghiệp đề ra chiến lược phát triển không phù hợp, doanh nghiệp không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội và thách thức phát sinh do tình hình thị trường thay đổi, dự báo sai các biến động thị trường, đầu tư vào các thị trường mới không hiệu quả. Trong năm qua, HĐQT và Ban điều hành đã phân tích vĩ mô và báo cáo kết quả kinh doanh, tổ chức các cuộc họp chiến lược giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.





## V. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1- CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

2- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÃ HỘI

3- GẮN KẾT MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG





## 1- CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

### Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số lao động của Công ty có đến thời điểm 31/12/2020 là 426 người. Thu nhập bình quân người lao động năm 2020 là 21,7 triệu đồng/người/tháng.



Cán bộ công nhân viên PECC4 – sân trước công ty







Năm 2020, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách nhằm nâng cao thu nhập và đời sống cho CBCNV

Đảm bảo việc làm cho người lao động, không còn tình trạng chờ việc so với những năm trước đây. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2020 tăng hơn 20% hơn so với năm 2019. Từ tháng 7/2020, Công ty đã tăng quỹ lương hàng tháng cho CBCNV lên 10% so với thời gian trước đây; Các khoản chi trong dịp Lễ, Tết đều tăng so với những năm trước đây.

Trích nộp đầy đủ các khoản về Bảo hiểm XH, Bảo hiểm y tế, BH thất nghiệp cho người lao động. Đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động, phối hợp với Công đoàn thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời cho người lao động gặp khó khăn do thiên tai.

Sửa đổi, bổ sung Quy định Trợ cấp, thăm hỏi CBCNV Công ty; Sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể trong đó tăng mức trợ cấp ốm đau, hiếu, hỷ cho CBCNV...

Tổ chức Hội thao trong CNVC-LĐ kỷ niệm 44 năm ngày thành lập Công ty (14/7/1976 – 14/7/2020)

Công ty luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc; Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc, mua bổ sung, thay thế ô tô phục vụ sản xuất. Đảm bảo diện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV.







Hưởng ứng tháng công nhân và tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2020 theo chỉ đạo của Công đoàn Điện lực Việt Nam, Công đoàn Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 4 đã phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động tại công trường dự án trọng điểm Công ty thực hiện ĐD 500kV Vân Phong – Vĩnh Tân.

Đồng thời, Công đoàn Công ty đã tổ chức thăm hỏi, động viên 7 nhóm công nhân thực hiện khảo sát dự án nêu trên với tổng số tiền 21.000.000đ.



Trong bối cảnh đại dịch Covid -19 bùng phát và thiên tai bão lũ xảy ra liên tiếp, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân và kinh tế - xã hội của nhiều địa phương, trong đó có gia đình CBCNV Công ty.

Để kịp thời hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu, Công đoàn Công ty đã tổ chức trao quà hỗ trợ cho 16 CBCNV có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 34 triệu đồng. Đây là món quà tinh thần của Công đoàn Công ty nhằm thể hiện tinh thần tương thân tương ái, phần nào giúp CBCNV vượt bớt khó khăn nhân dịp tết đến, xuân về.



Công ty đã xây dựng trung tâm thí nghiệm mới và sửa chữa nhiều phòng làm việc phục vụ sản xuất.





## Chính sách liên quan đến người lao động



Trong năm 2020, Công ty đã mua 6 xe ô tô thay thế các xe ô tô cũ, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho CBCNV đi công tác





## Hoạt động đào tạo Nguồn nhân lực

Năm 2020, Công ty tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, ngoài việc tập trung trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ như: Mô hình thủy lực MIKE 3, hội thảo về giải pháp chất lượng điện năng cho các nhà máy điện NLTT, điện gió ngoài khơi, điện cao áp 1 chiều HVDC, giải pháp BIM, hệ thống tự động hóa và giải pháp quản trị Nhà máy điện...; Năm qua, Công ty còn chú trọng đào tạo trong lĩnh vực quản lý: Đã cử 9 cán bộ tham gia chương trình đào tạo CBQL cấp 2 và cấp 3 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức, 3 cán bộ tham dự lớp Trung cấp lý luận chính trị và một số cán bộ tham dự đào tạo về kiểm toán, quản trị nhân sự hiện đại, kiểm soát quy trình lập báo cáo tài chính và quản trị rủi ro gian lận...



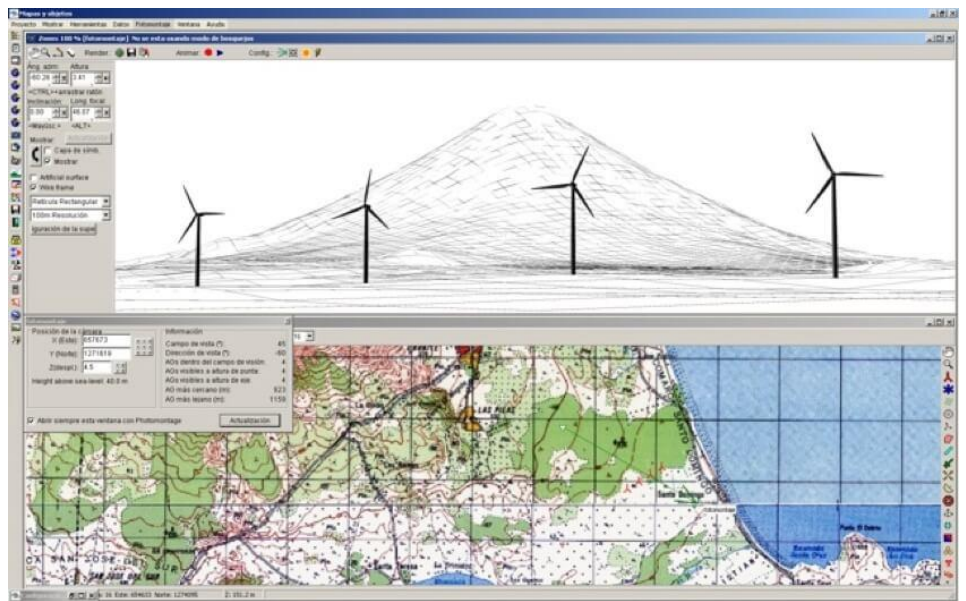
Hội nghị điện gió Việt Nam lần thứ 3

Vietnam Onshore and Offshore Wind Summit 2020 (VOOWS 2020)

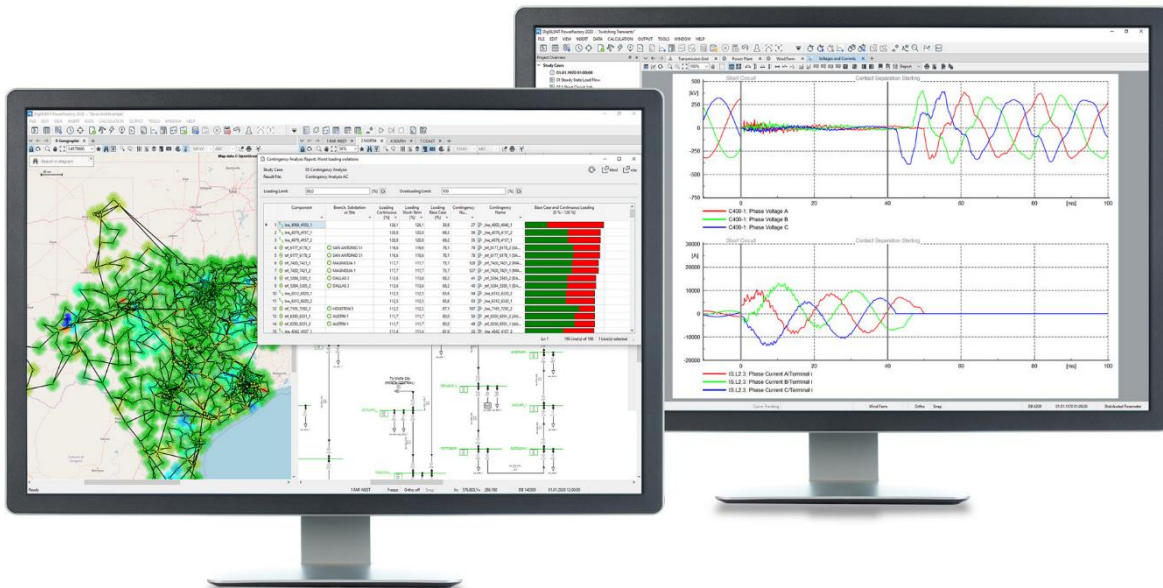




Phần mềm Benley Substation 3D



Phần mềm Windpro



Phần mềm tính toán hệ thống điện DigSILENT



## 2- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÃ HỘI

Dịch Covid-19 đang diễn biến rất phức tạp, khó lường, tác động toàn diện tới hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân; Dịch có thể kéo dài, khó dự đoán chính xác thời điểm kết thúc. Thời gian qua, có hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên y tế và toàn xã hội đã vượt mọi khó khăn, nỗ lực phòng chống dịch với tinh thần "chống dịch như chống giặc".

Để có thêm nguồn lực tiếp sức cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên y tế đang ngày đêm thực hiện nhiệm vụ; Hưởng ứng lời kêu gọi đồng hành trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa; Với truyền thống “Tương thân, tương ái”, Công ty Tư vấn xây dựng Điện 4 đã ủng hộ 132 triệu đồng (trong đó có 82 triệu do CBCNV đóng góp 01 ngày lương và 50 triệu trích từ Quỹ phúc lợi Công ty) nhằm chung tay phòng chống dịch theo phát động của Chính phủ.

Ngoài ra, Công ty đã trích từ Quỹ phúc lợi 50 triệu đồng để hỗ trợ cho đồng bào miền Tây bị thiệt hại do hạn, mặn.



Đoàn thanh niên PECC4 tham gia tình nguyện, tặng quà thăm hỏi và hỗ trợ các gia đình khó khăn, học sinh nghèo vượt khó



Tham gia ủng hộ, đồng hành cùng Chương trình “Thắp sáng niềm tin cho em” lần thứ VI – năm 2020 do Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam tổ chức



Hưởng ứng “Tuần lễ hồng EVN” do EVN phát động, Công ty và Công đoàn phối hợp tổ chức ngày Hiến máu nhân đạo.



Công ty tổ chức nhiều hoạt động Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục lũ lụt



Đoàn Thanh niên PECC4 tổ chức thăm và tặng quà cho các em học sinh vùng lũ Quảng Trị





Tuần lễ hồng EVN lần VI







**Ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục lũ lụt**







## Hoạt động xã hội



Ngày hội Trung thu cho các bé thiếu nhi PECC4







## Hoạt động xã hội



Hội thao kỷ niệm 44 năm thành lập Công ty







## Hoạt động xã hội



Sinh hoạt 8/3 tại Công ty







## Hoạt động xã hội



Giao hữu bóng đá mừng đóng điện nhà máy Điện mặt trời KN Vạn Ninh







### 3. GẮN KẾT MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Trước những thách thức từ biến đổi khí hậu Công ty luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu các tác động đến môi trường.



#### **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Với đặc thù của đơn vị tư vấn, lao động “chất xám” đóng vai trò quan trọng, chi phí nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng chi phí của Công ty. Tuy nhiên, khi sử dụng nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.







Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện sinh hoạt và nước sinh hoạt phục vụ nhu cầu làm việc, sinh hoạt hàng ngày của tập thể Người lao động

- Công ty không có lượng nước tái chế và tái sử dụng.



Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một nhiệm vụ được thực hiện tốt tại Công ty thông qua các hành động thiết thực

- Lắp đặt các biển báo hướng dẫn sử dụng điện nước để tiết kiệm năng lượng
- Duy trì thực hiện 5S trong toàn Công ty
- Đảm bảo an toàn Vệ sinh lao động
- Phòng chống cháy nổ

**5S**

**S1 Sàng lọc** Phân loại, di dời những thứ không cần thiết tại nơi làm việc và loại bỏ chúng.

**S2 Sắp xếp** Tổ chức các vật dụng còn lại một cách hiệu quả theo tiêu chí dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy, dễ trả lại.

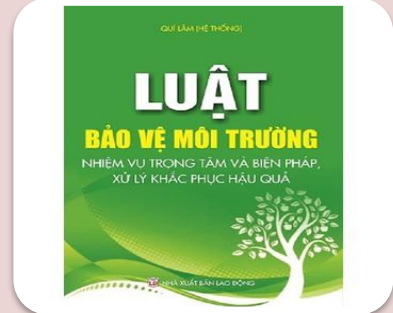
**S3 Sạch sẽ** Vệ sinh, quét dọn, lau chùi mọi thứ gây bẩn tại nơi làm việc.

**S4 Sẵn sàng** Giữ gìn nơi làm việc luôn sạch sẽ, thuận tiện và có năng suất bằng cách thực hiện Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ

**S5 Sẵn sàng** Rèn luyện, tạo nên một thói quen, nề nếp, tác phong cho mọi người trong thực hiện 5S



## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chấp hành, thực hiện nghiêm túc luật pháp và các quy định về môi trường.

Khi thực hiện dự án tại các địa phương, Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm, không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty chưa từng bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.





## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**5- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**







## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 3.0059/21/TC-AC

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Nha Trang**



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1



## 2- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>195.079.802.619</b> | <b>153.340.005.713</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>64.571.581.055</b>  | <b>54.626.358.069</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 25.571.581.055         | 22.626.358.069         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 39.000.000.000         | 32.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>126.771.971.761</b> | <b>91.506.651.295</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2a        | 125.404.125.289        | 82.939.255.912         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 2.784.743.362          | 3.496.594.815          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4a        | 1.064.350.819          | 7.552.048.277          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | (2.481.247.709)        | (2.481.247.709)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>3.736.249.803</b>   | <b>7.206.996.349</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 3.736.249.803          | 7.206.996.349          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                      | -                      |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |





| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>140.598.945.069</b> | <b>138.296.508.969</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>228.248.300</b>     | <b>1.927.622.121</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        | V.2b        | 1.689.581.121          | 1.828.192.121          |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.4b        | 71.430.000             | 99.430.000             |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        | V.5         | (1.532.762.821)        | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>27.626.591.179</b>  | <b>24.197.146.731</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 13.126.135.040         | 9.296.226.635          |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 43.379.916.182         | 41.080.303.163         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (30.253.781.142)       | (31.784.076.528)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.8         | 14.500.456.139         | 14.900.920.096         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 20.438.772.083         | 20.291.887.883         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (5.938.315.944)        | (5.390.967.787)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.9</b>  | <b>110.941.640.000</b> | <b>110.626.640.000</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 103.850.000.000        | 103.850.000.000        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | 7.091.640.000          | 7.091.640.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | (315.000.000)          |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>1.802.465.590</b>   | <b>1.545.100.117</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.10        | 1.802.465.590          | 1.545.100.117          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>335.678.747.688</b> | <b>291.636.514.682</b> |





| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>150.060.096.158</b> | <b>116.125.248.315</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>150.060.096.158</b> | <b>116.125.248.315</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 23.729.688.845         | 14.905.098.003         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 60.699.789.039         | 29.357.838.807         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 6.485.220.099          | 6.328.255.785          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 51.135.639.253         | 45.291.370.876         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 306.095.000            | 11.898.983.433         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16        | 3.020.513.051          | 3.353.920.309          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 4.683.150.871          | 4.989.781.102          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |



| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>185.618.651.530</b> | <b>175.511.266.367</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>185.618.651.530</b> | <b>175.511.266.367</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.18        | 158.347.450.000        | 158.347.450.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 158.347.450.000        | 158.347.450.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        | V.18        | (745.850.060)          | (745.850.060)          |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.18        | 339.535.474            | 339.535.474            |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.18        | 27.677.516.116         | 17.570.130.953         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a       |             | -                      | 17.570.130.953         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 27.677.516.116         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>335.678.747.688</b> | <b>291.636.514.682</b> |

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Hoa  
Người lập biểuTrần Lê Thanh Bình  
Trưởng phòng tài chính kế toánLê Cao Quyền  
Phó Tổng Giám đốc



### 3- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 251.014.677.317 | 206.455.105.647 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 251.014.677.317 | 206.455.105.647 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 184.348.617.707 | 147.836.605.945 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 66.666.059.610  | 58.618.499.702  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 9.894.523.759   | 2.210.150.760   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | (308.767.943)   | 129.814.912     |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -               | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 45.583.249.846  | 39.439.303.672  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 31.286.101.466  | 21.259.531.878  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        | 1.745.159.363   | -               |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.7        | 537.594.640     | 258.877.165     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 1.207.564.723   | (258.877.165)   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 32.493.666.189  | 21.000.654.713  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.13        | 4.816.150.073   | 4.114.582.238   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 27.677.516.116  | 16.886.072.475  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | 1.748           | 953             |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.8        | 1.748           | 953             |

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Hoa  
Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình  
Trưởng phòng tài chính kế toán



Lê Cao Quyền  
Phó Tổng Giám đốc





## 4- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                       |                       |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 32.493.666.189        | 21.000.654.713        |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |             |                       |                       |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.8; V.9    | 3.565.776.479         | 3.016.997.895         |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.5; V.9    | 1.217.762.821         | (1.758.068.673)       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.4        | 6.232.057             | 3.814.912             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.3; VI.6  | (10.221.014.668)      | (2.206.366.502)       |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | -                     | -                     |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                     | -                     |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 27.062.422.878        | 20.057.032.345        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (40.758.019.111)      | (22.341.831.830)      |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | V.6         | 3.470.746.546         | 358.403.146           |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 34.187.340.512        | 28.722.681.006        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | V.10        | (257.365.473)         | (939.379.501)         |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                     | -                     |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | -                     | -                     |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.13        | (4.720.296.213)       | (3.587.044.565)       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | V.17        | 35.840.000            | 18.510.000            |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.17        | (2.142.379.184)       | (1.530.092.398)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>16.878.289.955</b> | <b>20.758.278.203</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                       |                       |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (6.995.220.927)       | (2.337.577.163)       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | VI.6        | 326.490.909           | -                     |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                     | -                     |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                     | -                     |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                     | -                     |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                     | -                     |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | VI.3; V.4a  | 15.553.833.404        | 2.394.405.236         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>8.885.103.386</b>  | <b>56.828.073</b>     |




| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                       | -                       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | -                       | -                       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.16; V.18  | (15.811.938.298)        | (22.115.498.126)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(15.811.938.298)</b> | <b>(22.115.498.126)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>9.951.455.043</b>    | <b>(1.300.391.850)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>54.626.358.069</b>   | <b>55.930.564.831</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        | VI.4        | (6.232.057)             | (3.814.912)             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>64.571.581.055</b>   | <b>54.626.358.069</b>   |



Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Thị Thanh Hoa  
Người lập biểu



Trần Lê Thanh Bình  
Trưởng phòng tài chính kế toán

Lê Cao Quyền  
Phó Tổng Giám đốc



## 5- BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, khảo sát và thiết kế điện.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng mạnh so với năm trước do nghiệm thu phần lớn khối lượng hoạt động tư vấn thiết kế dự án Nhà máy Điện mặt trời tại Ninh Thuận. Mặt khác, trong năm Công ty nhận được cổ tức từ hoạt động đầu tư góp vốn với tổng giá trị trên 8 tỷ đồng đã góp phần làm tăng lợi nhuận năm nay so với năm trước.

##### 6. Cấu trúc Công ty

###### *Các Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn có trụ sở chính tại Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, phường Thăng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 31%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

###### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị         | Địa chỉ   |
|--------------------|---|
| Chi nhánh phía Bắc | Lô số 3 – TT4 – ngõ 183 – phố Hoàng Văn Thái – phường Khương Trung – quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh phía Nam | 46/9 Trần Quý Khoách – phường Tân Định – quận 1 – thành phố Hồ Chí Minh                                 |

##### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 426 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 379 nhân viên).





## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.



- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.





Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.





Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### ***Chi phí khác***

Chi phí sửa chữa, chi phí khác phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 – 08       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6             |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06       |

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:





- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **11. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

#### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.





Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **14. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.





## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt  | 203.362.000                  | 137.478.000                  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn   | 25.368.219.055               | 22.488.880.069               |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 39.000.000.000               | 32.000.000.000               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>64.571.581.055</u></b> | <b><u>54.626.358.069</u></b> |

### 2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                | <i>647.854.545</i>            | <i>610.545.454</i>           |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam                       | 410.400.000                   | 373.090.909                  |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2           | 237.454.545                   | 237.454.545                  |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>              | <i>124.756.270.744</i>        | <i>82.328.710.458</i>        |
| Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung | 25.357.981.159                | 34.838.324.455               |
| Ban Quản lý dự án Điện 3                         | 17.346.598.230                | 9.776.674.601                |
| Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam   | 32.678.836.239                | -                            |
| Các khách hàng khác                              | 49.372.855.116                | 37.713.711.402               |
| <b>Cộng</b>                                      | <b><u>125.404.125.289</u></b> | <b><u>82.939.255.912</u></b> |

#### 2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế | 1.532.762.821               | 1.532.762.821               |
| Ban Quản lý dự án Thủy Điện 2                     | 156.818.300                 | 156.818.300                 |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn              | -                           | 138.611.000                 |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>1.689.581.121</u></b> | <b><u>1.828.192.121</u></b> |

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Lilama 69-1                       | 615.000.000                 | 615.000.000                 |
| Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Gia Phát | -                           | 600.000.000                 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng Hà Nội    | 400.000.000                 | 400.000.000                 |
| Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên                   | 397.101.100                 | 397.101.100                 |
| Các nhà cung cấp khác                             | 1.372.642.262               | 1.484.493.715               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>2.784.743.362</u></b> | <b><u>3.496.594.815</u></b> |



**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
|  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                                | -                    | -        | 5.657.748.000        | -        |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn - Cổ tức, lợi nhuận được chia | -                    | -        | 5.657.748.000        | -        |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>                      | 1.064.350.819        | -        | 1.894.300.277        | -        |
| Tạm ứng  | 752.952.822          | -        | 1.548.902.280        | -        |
| Phải thu người lao động  | 26.000.000           | -        | 60.000.000           | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                                 | 285.397.997          | -        | 285.397.997          | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.064.350.819</b> | <b>-</b> | <b>7.552.048.277</b> | <b>-</b> |

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**5. Nợ xấu**

|   | Thời gian quá hạn | Số cuối năm          |                        | Số đầu năm               |                        |
|---|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
|   |                   | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc                  | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>               |                   | 2.481.247.709        | -                      | 2.481.247.709            | -                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu                 | Trên 3 năm        | 2.481.247.709        | -                      | Trên 3 năm 2.481.247.709 | -                      |
| <i>Phải thu khách hàng dài hạn</i>                |                   | 1.532.762.821        | -                      | -                        | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế | Trên 3 năm        | 1.532.762.821        | -                      | -                        | -                      |
| <b>Cộng</b>                                       |                   | <b>4.014.010.530</b> | <b>-</b>               | <b>2.481.247.709</b>     | <b>-</b>               |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Nợ phải thu ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn  | Cộng                 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 2.481.247.709        | -                    | 2.481.247.709        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                    | 1.532.762.821        | 1.532.762.821        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>2.481.247.709</b> | <b>1.532.762.821</b> | <b>4.014.010.530</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 406.107.693          | -        | 430.183.834          | -        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 95.863.467           | -        | 72.364.779           | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.234.278.643        | -        | 6.704.447.736        | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>3.736.249.803</b> | <b>-</b> | <b>7.206.996.349</b> | <b>-</b> |



## 7. Tài sản cố định hữu hình

|                                      | Nhà xưởng,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị  | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                  |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                    |                             |                       |                        |                              |                       |
| Số đầu năm                           | 10.104.595.287              | 13.955.001.927        | 14.840.137.147         | 2.180.568.802                | 41.080.303.163        |
| Mua trong năm                        | -                           | 993.220.000           | 4.792.616.727          | 77.500.000                   | 5.863.336.727         |
| Đầu tư xây dựng<br>cơ bản hoàn thành | 985.000.000                 | -                     | -                      | -                            | 985.000.000           |
| Thanh lý, nhượng<br>bán              | -                           | (1.581.101.040)       | (2.670.422.668)        | (297.200.000)                | (4.548.723.708)       |
| <b>Số cuối năm</b>                   | <b>11.089.595.287</b>       | <b>13.367.120.887</b> | <b>16.962.331.206</b>  | <b>1.960.868.802</b>         | <b>43.379.916.182</b> |
| <i>Trong đó:</i>                     |                             |                       |                        |                              |                       |
| Đã khấu hao hết<br>vẫn còn sử dụng   | 773.606.927                 | 8.165.029.715         | 8.781.098.479          | 869.980.892                  | 18.589.716.013        |
| Chờ thanh lý                         | -                           | -                     | -                      | -                            | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>               |                             |                       |                        |                              |                       |
| Số đầu năm                           | 6.126.758.039               | 11.584.737.515        | 12.542.065.581         | 1.530.515.393                | 31.784.076.528        |
| Khấu hao trong<br>năm                | 450.497.715                 | 1.211.283.367         | 1.115.312.987          | 241.334.253                  | 3.018.428.322         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán              | -                           | (1.581.101.040)       | (2.670.422.668)        | (297.200.000)                | (4.548.723.708)       |
| <b>Số cuối năm</b>                   | <b>6.577.255.754</b>        | <b>11.214.919.842</b> | <b>10.986.955.900</b>  | <b>1.474.649.646</b>         | <b>30.253.781.142</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>               |                             |                       |                        |                              |                       |
| Số đầu năm                           | 3.977.837.248               | 2.370.264.412         | 2.298.071.566          | 650.053.409                  | 9.296.226.635         |
| <b>Số cuối năm</b>                   | <b>4.512.339.533</b>        | <b>2.152.201.045</b>  | <b>5.975.375.306</b>   | <b>486.219.156</b>           | <b>13.126.135.040</b> |
| <i>Trong đó:</i>                     |                             |                       |                        |                              |                       |
| Tạm thời chưa sử<br>dụng             | -                           | -                     | -                      | -                            | -                     |
| Đang chờ thanh lý                    | -                           | -                     | -                      | -                            | -                     |

## 8. Tài sản cố định vô hình

|                                       | Quyền sử<br>dụng đất  | Phần mềm<br>máy tính | Cộng                  |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                       |                      |                       |
| Số đầu năm                            | 16.557.463.000        | 3.734.424.883        | 20.291.887.883        |
| Mua trong năm                         | -                     | 146.884.200          | 146.884.200           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>16.557.463.000</b> | <b>3.881.309.083</b> | <b>20.438.772.083</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                      |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 341.156.100           | 2.270.694.411        | 2.611.850.511         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                       |                      |                       |
| Số đầu năm                            | 2.420.641.757         | 2.970.326.030        | 5.390.967.787         |
| Khấu hao trong năm                    | 182.446.992           | 364.901.165          | 547.348.157           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>2.603.088.749</b>  | <b>3.335.227.195</b> | <b>5.938.315.944</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                       |                      |                       |
| Số đầu năm                            | 14.136.821.243        | 764.098.853          | 14.900.920.096        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>13.954.374.251</b> | <b>546.081.888</b>   | <b>14.500.456.139</b> |





|                       | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|-----------------------|-------------------|-------------------|------|
| <i>Trong đó:</i>      |                   |                   |      |
| Tạm thời chưa sử dụng | -                 | -                 | -    |
| Đang chờ thanh lý     | -                 | -                 | -    |

#### 9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

|  | Số cuối năm            |          | Số đầu năm             |                      |
|--|------------------------|----------|------------------------|----------------------|
|  | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng             |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                   | <b>103.850.000.000</b> | -        | <b>103.850.000.000</b> | -                    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn <sup>(i)</sup>    | 103.850.000.000        | -        | 103.850.000.000        | -                    |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                | <b>7.091.640.000</b>   | -        | <b>7.091.640.000</b>   | <b>(315.000.000)</b> |
| Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang <sup>(ii)</sup>       | 5.000.000.000          | -        | 5.000.000.000          | -                    |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế                          | 1.050.000.000          | -        | 1.050.000.000          | (315.000.000)        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội | 1.041.640.000          | -        | 1.041.640.000          | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>110.941.640.000</b> | -        | <b>110.941.640.000</b> | <b>(315.000.000)</b> |

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn tương đương 31% vốn điều lệ. Trong năm Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn trả cổ tức bằng 2.198.600 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 18.606.069 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (số đầu năm là 16.407.469 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ).

<sup>(ii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401028708 ngày 22 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang tương đương 30% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 535/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty quyết định dừng đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.





*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                            | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u>   |
|----------------------------|----------------|--------------------|
| Số đầu năm                 | 315.000.000    | 189.000.000        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -              | 126.000.000        |
| Hoàn nhập dự phòng         | (315.000.000)  | -                  |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>-</b>       | <b>315.000.000</b> |

*Giao dịch với công ty liên kết*

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là công ty liên kết về cổ tức được chia số tiền là 8.203.415.822 VND (năm trước không phát sinh giao dịch).

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

|                                | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ               | 1.295.863.716        | 1.076.480.271        |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 506.601.874          | 468.619.846          |
| <b>Cộng</b>                    | <b>1.802.465.590</b> | <b>1.545.100.117</b> |

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

##### 11a. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                 | <i>486.117.779</i>    | <i>486.117.779</i>    |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1            | 486.117.779           | 486.117.779           |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>             | <i>23.243.571.066</i> | <i>14.418.980.224</i> |
| Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ                  | 2.002.092.986         | 2.572.918.259         |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Gòn | 6.734.000.000         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                             | 14.507.478.080        | 11.846.061.965        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>23.729.688.845</b> | <b>14.905.098.003</b> |

##### 11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam | 4.234.887.958         | 3.480.166.297         |
| Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam | -                     | 3.053.932.326         |
| Các khách hàng khác                            | 56.464.901.081        | 22.823.740.184        |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>60.699.789.039</b> | <b>29.357.838.807</b> |

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                                  | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm          |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa       | 4.743.957.894        | 17.687.643.669        | (17.856.328.537)         | 4.575.273.026        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp       | 1.466.794.338        | 4.816.150.073         | (4.720.296.213)          | 1.562.648.198        |
| Thuế thu nhập cá nhân            | 117.503.553          | 2.367.837.736         | (2.138.042.414)          | 347.298.875          |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | -                    | 5.212.323             | (5.212.323)              | -                    |
| Thuế nhà thầu                    |                      | 1.309.401.713         | (1.309.401.713)          | -                    |
| Lệ phí môn bài                   |                      | 3.000.000             | (3.000.000)              | -                    |
| <b>Cộng</b>                      | <b>6.328.255.785</b> | <b>26.189.245.514</b> | <b>(26.032.281.200)</b>  | <b>6.485.220.099</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | Năm nay              | Năm trước            |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 32.493.666.189       | 21.000.654.713       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 72.000.000           | 72.256.476           |
| Thu nhập chịu thuế   | 32.565.666.189       | 21.072.911.189       |
| Thu nhập được miễn thuế  | (8.484.915.822)      | (500.000.000)        |
| Thu nhập tính thuế   | 24.080.750.367       | 20.572.911.189       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                  | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>4.816.150.073</b> | <b>4.114.582.238</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



**14. Phải trả người lao động**

Số dư tại ngày cuối năm là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi phí trích trước tiền ăn giữa ca tháng 12/2020.

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                    | <i>1.659.879.935</i>        | <i>1.659.879.935</i>        |
| Tập đoàn điện lực Việt Nam - Lãi trái phiếu phải trả | 1.659.879.935               | 1.659.879.935               |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>          | <i>1.360.633.116</i>        | <i>1.694.040.374</i>        |
| Kinh phí công đoàn                                   | 883.679.131                 | 1.220.185.992               |
| Phải trả về cổ phần hóa                              | 2.100.000                   | 2.100.000                   |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                           | 70.673.841                  | 112.390.139                 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 404.180.144                 | 359.364.243                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>3.020.513.051</u></b> | <b><u>3.353.920.309</u></b> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                          | <u>Số đầu năm</u>           | Tăng do trích               | Tiền                      | <u>Chi quỹ trong năm</u>      | <u>Số cuối năm</u>          |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
|                          |                             | <u>lập từ lợi nhuận</u>     | <u>thưởng từ Tập đoàn</u> |                               |                             |
| Quỹ khen thưởng          | 3.260.689.637               | 1.249.847.162               | 35.840.000                | (841.700.000)                 | 3.704.676.799               |
| Quỹ phúc lợi             | 1.441.433.265               | 312.461.791                 | -                         | (1.013.020.984)               | 740.874.072                 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành | 287.658.200                 | 237.600.000                 | -                         | (287.658.200)                 | 237.600.000                 |
| <b>Cộng</b>              | <b><u>4.989.781.102</u></b> | <b><u>1.799.908.953</u></b> | <b><u>35.840.000</u></b>  | <b><u>(2.142.379.184)</u></b> | <b><u>4.683.150.871</u></b> |

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                            | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 113.356.100.000               | 113.356.100.000               |
| Các cổ đông khác           | 44.991.350.000                | 44.991.350.000                |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>158.347.450.000</u></b> | <b><u>158.347.450.000</u></b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 158.347.450.000 VND.

**18c. Cổ phiếu**

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 15.834.745         | 15.834.745        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.834.745         | 15.834.745        |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (64.523)           | (64.523)          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 15.770.222         | 15.770.222        |





Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30 tháng 6 năm 2020 như sau:

|                                   | Số tiền (VND)         |
|-----------------------------------|-----------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông     | : 15.770.222.000      |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 1.562.308.953       |
| • Trích quỹ thưởng ban điều hành  | : 237.600.000         |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>17.570.130.953</b> |

#### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 19a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 80,025.58 USD (số đầu năm là 468.78 USD).

##### 19b. Nợ khó đòi đã xử lý

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            | Nguyên nhân xóa sổ                                |
|--|-----------------------|-----------------------|---|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế I                | 6.037.929.873         | 6.037.929.873         | Không liên lạc được khách hàng                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc | 5.919.992.822         | 5.919.992.822         | Khách hàng đã giải thể                            |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai          | 5.318.864.000         | 5.318.864.000         | Dự án bị thu hồi                                  |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Nhân Luật               | 3.054.527.900         | 3.054.527.900         | Dự án bị thu hồi, khách hàng tạm ngưng kinh doanh |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm           | 2.969.910.000         | 2.969.910.000         | Dự án bị thu hồi                                  |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh - Ban Mê                 | 2.920.004.170         | 2.920.004.170         | Không tìm ra khách hàng                           |
| Các khách hàng khác                                | 2.971.904.655         | 4.327.507.655         | Khách hàng đã giải thể, Dự án không thực hiện     |
| <b>Cộng</b>  | <b>29.193.133.420</b> | <b>30.548.736.420</b> |   |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế.

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.9, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:



|  | Năm nay               | Năm trước             |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam   | -                     | 373.090.909           |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2   | -                     | 296.818.182           |
| <b>2. Giá vốn hàng bán</b>   |                       |                       |
| Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế  |                       |                       |
| <b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>  |                       |                       |
|  | Năm nay               | Năm trước             |
| Lãi tiền gửi ngân hàng   | 1.409.607.937         | 1.706.366.502         |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia  | 8.484.915.822         | 500.000.000           |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh  | -                     | 3.784.258             |
| <b>Cộng</b>  | <b>9.894.523.759</b>  | <b>2.210.150.760</b>  |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>  |                       |                       |
|  | Năm nay               | Năm trước             |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ     | 6.232.057             | 3.814.912             |
| Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (315.000.000)         | 126.000.000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>(308.767.943)</b>  | <b>129.814.912</b>    |
| <b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>   |                       |                       |
|  | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí cho nhân viên  | 22.221.749.461        | 18.941.458.075        |
| Chi phí vật liệu quản lý   | 864.445.709           | 851.435.809           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 257.660.006           | 210.569.036           |
| Thuế, phí và lệ phí  | 10.512.323            | 30.495.707            |
| Dự phòng phải thu khó đòi  | 1.532.762.821         | 1.632.068.673         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 945.760.860           | 784.797.164           |
| Các chi phí khác   | 19.750.358.666        | 16.988.479.208        |
| <b>Cộng</b>  | <b>45.583.249.846</b> | <b>39.439.303.672</b> |
| <b>6. Thu nhập khác</b>  |                       |                       |
|  | Năm nay               | Năm trước             |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                       | 326.490.909           | -                     |
| Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ  | 63.065.454            | -                     |
| Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ                                    | 1.355.603.000         | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.745.159.363</b>  | <b>-</b>              |
| <b>7. Chi phí khác</b>   |                       |                       |
|  | Năm nay               | Năm trước             |
| Phạt do vi phạm hợp đồng   | 519.737.640           | 258.380.689           |
| Chi phí khác   | 17.857.000            | 496.476               |
| <b>Cộng</b>  | <b>537.594.640</b>    | <b>258.877.165</b>    |



**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | Năm nay        | Năm trước       |
|---|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 27.677.516.116 | 16.886.072.475  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | -              | (1.799.908.953) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 27.677.516.116 | 15.086.163.522  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 15.834.745     | 15.834.745      |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>1.748</b>   | <b>953</b>      |

**8b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.066 VND xuống còn 953 VND.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 8.761.665.704          | 8.268.028.628          |
| Chi phí nhân công                | 123.454.163.681        | 105.215.676.440        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.565.776.479          | 3.016.997.895          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 52.367.085.503         | 35.880.664.979         |
| Chi phí khác                     | 38.313.007.093         | 34.567.676.126         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>226.461.698.460</b> | <b>186.949.044.068</b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các khoản cam kết**

Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc "thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn", Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.





**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

|                   | Tiền lương           | Thưởng             | Thù lao            | Cộng thu nhập        |
|-------------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>    |                      |                    |                    |                      |
| Hội đồng quản trị | 1.739.824.300        | 131.508.000        | 144.000.000        | 2.015.332.300        |
| Ban Tổng Giám đốc | 685.401.000          | 45.480.000         | -                  | 730.881.000          |
| Ban Kiểm soát     | 372.861.230          | 47.430.200         | 96.000.000         | 516.291.430          |
| <b>Cộng</b>       | <b>2.798.086.530</b> | <b>224.418.200</b> | <b>240.000.000</b> | <b>3.262.504.730</b> |
| <b>Năm trước</b>  |                      |                    |                    |                      |
| Hội đồng quản trị | 1.071.625.196        | 17.000.000         | 155.160.000        | 1.243.785.196        |
| Ban Tổng Giám đốc | 1.468.281.143        | 18.000.000         | -                  | 1.486.281.143        |
| Ban Kiểm soát     | 260.442.100          | 3.000.000          | 69.360.000         | 332.802.100          |
| <b>Cộng</b>       | <b>2.800.348.439</b> | <b>38.000.000</b>  | <b>224.520.000</b> | <b>3.062.868.439</b> |

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác                             | Mối quan hệ                              |
|--|--|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam<br>(gọi tắt là EVN) | Công ty mẹ, sở hữu 71,59% cổ phần        |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1         | Công ty con của EVN                      |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2         | Công ty con của EVN                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn             | Công ty liên kết, sở hữu 31% vốn điều lệ |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.9 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:



|                                   | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------|----------------|----------------|
| <i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i> |                |                |
| Cổ tức phải trả                   | 11.335.610.000 | 15.870.274.000 |
| Công ty chuyển trả cổ tức         | 11.335.610.000 | 15.870.274.000 |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.4a, V.11 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
Người lập biểu

**Trần Lê Thanh Bình**  
Trưởng phòng tài chính kế toán



**Lê Cao Quyền**  
Phó Tổng Giám đốc



Đơn vị tính: VND

|  | Vốn góp của chủ<br>sở hữu | Cổ phiếu quỹ         | Quỹ đầu tư phát<br>triển | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa phân<br>phối | Cộng                   |
|--|---------------------------|----------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số đầu năm trước   | 158.347.450.000           | (745.850.060)        | 339.535.474              | 25.572.140.336                          | 183.513.275.750        |
| Lợi nhuận trong năm trước  | -                         | -                    | -                        | 16.886.072.475                          | 16.886.072.475         |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018         | -                         | -                    | -                        | (2.522.112.858)                         | (2.522.112.858)        |
| Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm 2018 | -                         | -                    | -                        | (287.658.200)                           | (287.658.200)          |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018                                | -                         | -                    | -                        | (22.078.310.800)                        | (22.078.310.800)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                                      | <b>158.347.450.000</b>    | <b>(745.850.060)</b> | <b>339.535.474</b>       | <b>17.570.130.953</b>                   | <b>175.511.266.367</b> |
| Số dư đầu năm nay  | 158.347.450.000           | (745.850.060)        | 339.535.474              | 17.570.130.953                          | 175.511.266.367        |
| Lợi nhuận trong năm nay  | -                         | -                    | -                        | 27.677.516.116                          | 27.677.516.116         |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019         | -                         | -                    | -                        | (1.562.308.953)                         | (1.562.308.953)        |
| Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm 2019 | -                         | -                    | -                        | (237.600.000)                           | (237.600.000)          |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019                                | -                         | -                    | -                        | (15.770.222.000)                        | (15.770.222.000)       |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>  | <b>158.347.450.000</b>    | <b>(745.850.060)</b> | <b>339.535.474</b>       | <b>27.677.516.116</b>                   | <b>185.618.651.530</b> |

Nguyễn Thị Thanh Hoa  
Người lập biểu

Trần Lê Thanh Bình  
Trưởng phòng tài chính kế toán



Khánh Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Lê Cao Quyền  
Phó Tổng Giám đốc





**EVN***PECC4*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

TRỤ SỞ: 11 HOÀNG HOA THÁM - NHA TRANG - KHÁNH HÒA

TEL: 0258.3563999 - FAX: 0258.3563888

WESITE: [PECC4.VN](http://PECC4.VN)